

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (HK1_NH2025-2026 (LT))

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉn chí	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Giới Chú
1	17/11/2025	08g00	70	Luật hình sự - phần chung	LA2054	2	25121LA205401	Tự luận	17.7: Igazuu fall	
2	17/11/2025	08g00	70	Luật hình sự - phần chung	LA2054	2	25121LA205402	Tự luận	20.8: Cai Rang Floating Market	
3	17/11/2025	08g00	70	Phân tích báo cáo tài chính	AC3011	3	25121AC301101	Trắc nghiệm	17.7: Igazuu fall	
4	17/11/2025	08g00	70	Phân tích báo cáo tài chính	AC3011	3	25121AC301101	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
5	17/11/2025	08g00	50	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	LE3036	2	25121LE303601	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
6	17/11/2025	08g00	70	Phương pháp dạy tiếng Anh 1	EL3014	3	25121EL301401	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
7	17/11/2025	08g00	70	Phương pháp dạy tiếng Anh 1	EL3014	3	25121EL301401	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
8	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202402	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
9	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202402	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
10	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202401	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
11	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202403	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
12	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202403	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
13	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
14	17/11/2025	08g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	NS2024	2	25121NS202405	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
15	17/11/2025	08g00	50	Physiology II	MD2281	3	25121MD228101	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
16	17/11/2025	08g00	90	Tâm lý học giáo dục	PE1004	3	25121PE100401	Tự luận	18.7: Taurus	
17	17/11/2025	08g00	90	Thư tín thương mại	EL3026	3	25121EL302601	Tự luận	19.8: Tram Chim National Park	
18	17/11/2025	08g00	90	Từ vựng tiếng Trung Quốc	CS3034	3	25121CS303401	Tự luận	18.7: Taurus	
19	17/11/2025	09g30	70	Bảo đảm kiểm tra chất lượng xét nghiệm hóa sinh	ML3054	3	25121ML305401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
20	17/11/2025	09g30	70	Bảo đảm kiểm tra chất lượng xét nghiệm hóa sinh	ML3054	3	25121ML305401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
21	17/11/2025	09g30	70	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	ML3002	2	25121ML300201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
22	17/11/2025	09g30	50	Đơn bào - Giun sán	ML3010	2	25121ML301002	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
23	17/11/2025	09g30	50	Đơn bào - Giun sán	ML3010	2	25121ML301001	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
24	17/11/2025	09g30	50	Đơn bào - Giun sán	ML3010	2	25121ML301002	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
25	17/11/2025	09g30	50	Đơn bào - Giun sán	ML3010	2	25121ML301002	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
26	17/11/2025	09g30	50	Đơn bào - Giun sán	ML3010	2	25121ML301001	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
27	17/11/2025	09g30	50	Đơn bào - Giun sán	ML3010	2	25121ML301001	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
28	17/11/2025	10g00	70	Anh văn chuyên ngành I	LO3004	2	25121LO300401	Tự luận	17.7: Igazuu fall	
29	17/11/2025	10g00	70	Anh văn chuyên ngành I	LO3004	2	25121LO300401	Tự luận	20.8: Cai Rang Floating Market	
30	17/11/2025	10g00	70	Hình vi học - Cử pháp học tiếng Hàn	KS3053	3	25121KS305301	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
31	17/11/2025	10g00	70	Lễ tân ngoại giao	EV2009	3	25121EV200901	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
32	17/11/2025	10g00	70	Lễ tân ngoại giao	TM3028	2	25121TM302801	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
33	17/11/2025	10g00	70	Quản trị tiền sảnh	HM3060	3	25121HM306001	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
34	17/11/2025	11g00	50	Dental Materials and Equipment	OSS097	3	25121OSS09701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
35	17/11/2025	11g00	50	Luật Kinh tế	BA1001	2	25121BA100102	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
36	17/11/2025	11g00	50	Luật Kinh tế	BA1001	2	25121BA100102	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
37	17/11/2025	11g00	50	Luật Kinh tế	BA1001	2	25121BA100101	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
38	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3121	2	25121OS312101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
39	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	25121OS331602	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
40	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	25121OS331601	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
41	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	25121OS331602	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
42	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	25121OS331604	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
43	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	25121OS331603	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
44	17/11/2025	11g00	50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	OS3316	3	25121OS331604	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
45	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202901	Trắc nghiệm	17.8: Sơn Doong Cave	
46	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202901	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
47	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202904	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
48	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202902	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
49	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202903	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
50	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202903	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
51	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202902	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
52	17/11/2025	13g00	70	Dược lý 2	DS2029	3	25121DS202904	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
53	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302403	Trắc nghiệm	17.7: Iguaazu fall	
54	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302402	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
55	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302405	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
56	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302405	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
57	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302403	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
58	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302404	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
59	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302401	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
60	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302402	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
61	17/11/2025	13g00	70	Quản trị rủi ro	DM3024	3	25121DM302404	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
62	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226006	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
63	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226001	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
64	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226002	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
65	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226001	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
66	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226003	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
67	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226003	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
68	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226004	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
69	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226005	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
70	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226004	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
71	17/11/2025	14g30	50	Sinh lý II	MD2260	3	25121MD226005	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
72	17/11/2025	15g00	70	Quản trị chiến lược	DM3013	3	25121DM301301	Trắc nghiệm	17.7: Igazu fall	
73	17/11/2025	15g00	70	Quản trị Chiến lược	BA3016	3	25121BA301602	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
74	17/11/2025	15g00	70	Quản trị chiến lược	DM3013	3	25121DM301301	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
75	17/11/2025	15g00	70	Quản trị chiến lược	DM3013	3	25121DM301302	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
76	17/11/2025	15g00	70	Quản trị Chiến lược	BA3016	3	25121BA301602	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
77	17/11/2025	15g00	70	Quản trị chiến lược	DM3013	3	25121DM301302	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
78	17/11/2025	15g00	70	Quản trị Chiến lược	BA3016	3	25121BA301601	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
79	17/11/2025	15g00	70	Quản trị chiến lược	DM3013	3	25121DM301302	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
80	17/11/2025	15g00	70	Quản trị Chiến lược	BA3016	3	25121BA301601	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
81	17/11/2025	16g00	50	Các bệnh thông thường 1	PH2008	3	25121PH200801	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
82	17/11/2025	16g00	50	Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa	MW3012	2	25121MW301201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
83	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331501	Trắc nghiệm và Thực hành	19.3: Phong Nha Cave	
84	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331501	Trắc nghiệm và Thực hành	19.7: Fansipan Peak	
85	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331504	Trắc nghiệm và Thực hành	19.7: Fansipan Peak	
86	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331502	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
87	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331503	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
88	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331504	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
89	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331503	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
90	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331502	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
91	17/11/2025	16g00	50	Giải phẫu răng 1	OS3315	2	25121OS331505	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
92	17/11/2025	16g00	50	Y học cổ truyền cơ sở	YC3022	2	25121YC302201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
93	17/11/2025	17g10	50	Bệnh học Nội khoa	RH2023	2	25121RH202301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
94	17/11/2025	17g10	50	Bệnh học Nội khoa	RH2023	2	25121RH202302	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
95	17/11/2025	17g10	50	Bệnh học Nội khoa	RH2023	2	25121RH202302	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
96	17/11/2025	17g10	50	Bệnh học Nội khoa	RH2023	2	25121RH202301	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
97	17/11/2025	17g10	50	Mạng máy tính	05033	3	251210503301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
98	18/11/2025	08g00	50	Độc hiểm tiếng Trung Quốc 3	CS3037	2	25121CS303701	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
99	18/11/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý 1 (LT)	MD3063	1	25121MD306303	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
100	18/11/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý 1 (LT)	MD3063	1	25121MD306302	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
101	18/11/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý 1 (LT)	MD3063	1	25121MD306303	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
102	18/11/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý 1 (LT)	MD3063	1	25121MD306302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
103	18/11/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý 1 (LT)	MD3063	1	25121MD306303	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
104	18/11/2025	08g00	50	Quản trị đàm đông	EV3039	2	25121EV303901	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
105	18/11/2025	08g00	50	Surgery 1 (Theory)	MD3123	1	25121MD312301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
106	18/11/2025	08g00	70	Tư duy biện luận	PS1009	2	25121PS100903	Tư luận	18.7: Taurus	
107	18/11/2025	08g00	70	Tư duy biện luận	PS1009	2	25121PS100905	Tư luận	19.7: Fansipan Peak	
108	18/11/2025	08g00	70	Tư duy biện luận	PS1009	2	25121PS100904	Tư luận	19.7: Fansipan Peak	
109	18/11/2025	08g00	70	Tư duy biện luận	PS1009	2	25121PS100904	Tư luận	19.8: Trăm Chim National Park	

Đ T C H

22

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tim chí	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
110	18/11/2025	09g30	70	Âm vị - hình vị	EL3011	3	25121EL301102	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
111	18/11/2025	09g30	70	Âm vị - hình vị	EL3011	3	25121EL301101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
112	18/11/2025	09g30	50	Luật Bảo hiểm	LE3044	2	25121LE304401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
113	18/11/2025	09g30	50	Luật Bảo hiểm	LE3044	2	25121LE304401	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
114	18/11/2025	09g30	70	Thiết lập & Điều tư dự án	FB3019	3	25121FB301901	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
115	18/11/2025	09g30	70	Thiết lập & Điều tư dự án	FB3019	3	25121FB301901	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
116	18/11/2025	09g30	70	Thiết lập & Điều tư dự án	FB3019	3	25121FB301902	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
117	18/11/2025	10g00	70	Đọc viết tiếng Hàn 3	KS2026	2	25121KS202601	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
118	18/11/2025	10g00	70	Kỹ năng viết báo cáo	EM2022	2	25121EM202201	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
119	18/11/2025	10g00	90	Luật tố tụng hình sự	LA3041	4	25121LA304101	Tự luận	19.8: Trăm Chín National Park	
120	18/11/2025	10g00	70	Ngữ pháp tiếng Nhật 5	JS3049	3	25121JS304901	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
121	18/11/2025	10g00	70	Nguyên lý thiết kế Kiến trúc nhà ở	AT3003	2	25121AT300301	Tự luận	18.7: Taurus	
122	18/11/2025	13g00	90	An ninh quốc tế	IR3013	3	25121IR301301	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
123	18/11/2025	13g00	70	Anh văn chuyên ngành tổ chức nhân sự	PS3021	3	25121PS302101	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
124	18/11/2025	13g00	70	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TM2010	3	25121TM201002	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
125	18/11/2025	13g00	70	Kế toán thương mại	AC3027	3	25121AC302701	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
126	18/11/2025	13g00	90	Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu	LO3022	3	25121LO302202	Tự luận	18.7: Taurus	
127	18/11/2025	13g00	90	Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu	LO3022	3	25121LO302201	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
128	18/11/2025	13g00	90	Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu	LO3022	3	25121LO302201	Tự luận	19.8: Trăm Chín National Park	
129	18/11/2025	13g00	70	Lập trình hướng đối tượng	IT2008	3	25121IT200801	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
130	18/11/2025	13g00	70	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	LA2022	3	25121LA202201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
131	18/11/2025	13g00	70	Quản trị du lịch outbound	TM3033	3	25121TM303301	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
132	18/11/2025	13g00	70	Thanh toán điện tử	EC3003	3	25121EC300301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
133	18/11/2025	13g00	70	Thị trường chứng khoán	FB3008	3	25121FB300801	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
134	18/11/2025	13g00	70	Thị trường chứng khoán	FB3008	3	25121FB300801	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
135	18/11/2025	13g00	90	Văn hóa Nhật Bản	JS3008	3	25121JS300801	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
136	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201101	Trắc nghiệm và Thực hành	18.8: Virgo	
137	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201104	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
138	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
139	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
140	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201104	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
141	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
142	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201104	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
143	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
144	18/11/2025	14g30	50	Thực vật được	DS2011	3	25121DS201103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
145	18/11/2025	15g00	70	Cách phân loại ICF của Tổ chức y tế thế giới	RH3007	2	25121RH300701	Tự luận	18.7: Taurus	
146	18/11/2025	15g00	70	Cách phân loại ICF của Tổ chức y tế thế giới	RH3007	2	25121RH300701	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
147	18/11/2025	15g00	70	Tư duy biện luận	PS1009	2	25121PS100902	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tìm chi	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
148	18/1/2025	15g00	70	Tư vựng học tiếng Hàn	KS3050	3	2512IKS305001	Trắc nghiệm	19.8: Tram Chim National Park	
149	19/1/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	PH1001	2	2512PH100101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
150	19/1/2025	08g00	70	Cải tạo kiến trúc 2	AT3007	2	2512IAT300701	Tự luận	19.8: Tram Chim National Park	
151	19/1/2025	08g00	50	Chăm cứu học I	YC3017	3	25121YC301701	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
152	19/1/2025	08g00	50	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	MW3014	2	25121MW301401	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
153	19/1/2025	08g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2298	1	25121MD229801	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
154	19/1/2025	08g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2298	1	25121MD229802	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
155	19/1/2025	08g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2298	1	25121MD229802	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
156	19/1/2025	08g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2298	1	25121MD229801	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
157	19/1/2025	08g00	70	Hóa sinh	DS2006	4	25121DS200602	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
158	19/1/2025	08g00	70	Hóa sinh	DS2006	4	25121DS200603	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
159	19/1/2025	08g00	70	Hóa sinh	DS2006	4	25121DS200601	Trắc nghiệm	19.7: Fanspan Peak	
160	19/1/2025	08g00	70	Hóa sinh	DS2006	4	25121DS200602	Trắc nghiệm	19.8: Tram Chim National Park	
161	19/1/2025	08g00	70	Hóa sinh	DS2006	4	25121DS200601	Trắc nghiệm	19.8: Tram Chim National Park	
162	19/1/2025	08g00	90	Kiểm toán doanh nghiệp	AC3008	3	25121AC300801	Tự luận	18.5: Pisces	
163	19/1/2025	08g00	90	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	EL3029	3	25121EL302901	Tự luận	18.4: Leo	
164	19/1/2025	08g00	70	Tiếng Anh chuyên ngành	GD3009	2	25121GD300901	Tự luận	18.7: Taurus	
165	19/1/2025	08g00	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000815	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
166	19/1/2025	08g00	50	Vi sinh lâm sàng 2	ML3019	2	25121ML301901	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
167	19/1/2025	08g00	50	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng 2	ML3057	2	25121ML305701	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
168	19/1/2025	08g00	50	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng 2	ML3057	2	25121ML305702	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
169	19/1/2025	08g00	50	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng 2	ML3057	2	25121ML305701	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
170	19/1/2025	08g00	50	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng 2	ML3057	2	25121ML305702	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
171	19/1/2025	09g30	50	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	25121OS325801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
172	19/1/2025	09g30	50	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	25121OS325802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
173	19/1/2025	09g30	50	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	25121OS325801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
174	19/1/2025	09g30	50	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	25121OS325801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
175	19/1/2025	09g30	50	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	25121OS325802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
176	19/1/2025	09g30	50	Nha khoa trẻ em	OS3258	3	25121OS325803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
177	19/1/2025	09g30	50	Pediatric Dentistry	OS3107	3	25121OS310701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
178	19/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000814	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
179	19/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000814	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
180	19/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000814	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
181	19/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000814	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
182	19/1/2025	09g30	50	Văn hóa doanh nghiệp	BA2012	2	25121BA201202	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
183	19/1/2025	09g30	50	Văn hóa doanh nghiệp	BA2012	2	25121BA201201	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
184	19/1/2025	09g30	50	Văn hóa doanh nghiệp	BA2012	2	25121BA201202	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
185	19/1/2025	09g30	50	Văn hóa doanh nghiệp	BA2012	2	25121BA201201	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
									21.8: Hue Royal Palace	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Trị chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
186	19/11/2025	10g00	70	Anh văn chuyên ngành II	BA3005	4	25121BA300503	Trắc nghiệm	19.8- Trầm Chìm National Park	
187	19/11/2025	10g00	70	Cấp, thoát nước công trình	AT3013	2	25121AT301301	Tự luận	18.4- Leo	
188	19/11/2025	10g00	70	Giao tiếp liên văn hóa	EL3002	3	25121EL300201	Trắc nghiệm	18.8- Virgo	
189	19/11/2025	10g00	70	Giao tiếp liên văn hóa	EL3002	3	25121EL300201	Trắc nghiệm	19.3- Phong Nha Cave	
190	19/11/2025	10g00	70	Kinh doanh du lịch và lữ hành	TM3022	3	25121TM302201	Trắc nghiệm	18.7- Taurus	
191	19/11/2025	10g00	70	Luật đại dai	LA2021	3	25121LA202101	Trắc nghiệm	18.8- Virgo	
192	19/11/2025	10g00	70	Ngữ pháp tiếng Hàn 5	KS3026	3	25121KS302601	Trắc nghiệm	18.7- Taurus	
193	19/11/2025	10g00	50	Nội bệnh lý II	MD3300	2	25121MD330001	Trắc nghiệm và Vấn đáp	19.3- Phong Nha Cave	
194	19/11/2025	10g00	70	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu, thừa kế	LA3038	3	25121LA303801	Trắc nghiệm	18.5- Pisces	
195	19/11/2025	10g00	70	Phát triển du lịch bền vững	HM3035	3	25121HM303501	Trắc nghiệm	19.7- Fansipan Peak	
196	19/11/2025	11g00	50	Đọc hiểu tiếng Trung Quốc 4	CS3038	2	25121CS303801	Trắc nghiệm	9.6- Phòng máy	
197	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201602	Trắc nghiệm	9.1- Phòng máy	
198	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201602	Trắc nghiệm	9.3- Phòng máy	
199	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201605	Trắc nghiệm	9.4- Phòng máy	
200	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201601	Trắc nghiệm	9.5- Phòng máy	
201	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201603	Trắc nghiệm	9.7- Phòng máy	
202	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201601	Trắc nghiệm	9.7- Phòng máy	
203	19/11/2025	11g00	50	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	NS2016	2	25121NS201603	Trắc nghiệm	9.8- Phòng máy	
204	19/11/2025	11g00	50	Thông kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100404	Trắc nghiệm	20.8- Cai Rang Floating Market	
205	19/11/2025	11g00	50	Thông kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100406	Trắc nghiệm	21.6- West Lake	
206	19/11/2025	11g00	50	Thông kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100404	Trắc nghiệm	21.6- West Lake	
207	19/11/2025	11g00	50	Thông kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100405	Trắc nghiệm	21.6- West Lake	
208	19/11/2025	11g00	50	Thông kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100405	Trắc nghiệm	21.8- Hue Royal Palace	
209	19/11/2025	11g00	50	Thông kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100406	Trắc nghiệm	21.9- Thang Long Citadel	
210	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226704	Trắc nghiệm	9.1- Phòng máy	
211	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226701	Trắc nghiệm	9.3- Phòng máy	
212	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226701	Trắc nghiệm	9.4- Phòng máy	
213	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226702	Trắc nghiệm	9.5- Phòng máy	
214	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226703	Trắc nghiệm	9.6- Phòng máy	
215	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226702	Trắc nghiệm	9.7- Phòng máy	
216	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226703	Trắc nghiệm	9.8- Phòng máy	
217	19/11/2025	13g00	50	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	MD2267	2	25121MD226704	Trắc nghiệm	9.8- Phòng máy	
218	19/11/2025	13g00	70	Kinh tế lương	BA3032	3	25121BA303201	Trắc nghiệm	18.4- Leo	
219	19/11/2025	13g00	70	Kinh tế lương	FB2004	3	25121FB200401	Trắc nghiệm	19.3- Phong Nha Cave	
220	19/11/2025	13g00	70	Kỹ thuật điều độ	LO3010	3	25121LO301001	Tự luận	18.7- Taurus	
221	19/11/2025	13g00	70	Kỹ thuật điều độ	LO3010	3	25121LO301002	Tự luận	18.8- Virgo	
222	19/11/2025	13g00	70	Kỹ thuật điều độ	LO3010	3	25121LO301001	Tự luận	19.8- Trầm Chìm National Park	
223	19/11/2025	13g00	70	Mạng máy tính	IT2011	3	25121IT201101	Tự luận	18.5- Pisces	

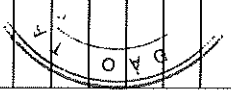
STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
224	19/11/2025	13g00	70	Mạng máy tính	IT2011	3	2512IT201102	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
225	19/11/2025	13g00	50	Nutrition and food safety	MD2007	2	2512IMD200701	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
226	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103705	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
227	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103704	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
228	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103701	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
229	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103704	Trắc nghiệm	21.3: Ba Den Mountain	
230	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103704	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
231	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103702	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
232	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103704	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
233	19/11/2025	13g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103703	Trắc nghiệm	21.9: Thang Long Citadel	
234	19/11/2025	13g00	70	Tư vấn và tham vấn hướng nghiệp	PS3024	2	2512IPS302401	Tự luận	18.7: Taurus	
235	19/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3052	2	2512INS305201	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
236	19/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3052	2	2512INS305202	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
237	19/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	NS3052	2	2512INS305201	Trắc nghiệm	21.9: Thang Long Citadel	
238	19/11/2025	14g30	50	Độc chất học lâm sàng	DS2061	1	2512IDS206101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
239	19/11/2025	14g30	50	Hóa sinh	RH2013	2	2512IRH201302	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
240	19/11/2025	14g30	50	Hóa sinh	RH2013	2	2512IRH201302	Trắc nghiệm	21.9: Thang Long Citadel	
241	19/11/2025	14g30	50	Hóa sinh	RH2013	2	2512IRH201301	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
242	19/11/2025	14g30	50	Hóa sinh	RH2013	2	2512IRH201301	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
243	19/11/2025	14g30	50	Ngoại khoa	ML2023	1	2512IML202301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
244	19/11/2025	14g30	50	Ngoại khoa	ML2023	1	2512IML202301	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
245	19/11/2025	14g30	50	Ngoại khoa	ML2023	1	2512IML202302	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
246	19/11/2025	14g30	50	Ngoại khoa	ML2023	1	2512IML202302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
247	19/11/2025	14g30	50	Ngoại khoa	ML2023	1	2512IML202301	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
248	19/11/2025	14g30	70	Quản lý hoạt động tham vấn học đường	EM3009	2	2512IEM300901	Tự luận	21.3: Ba Den Mountain	
249	19/11/2025	14g30	70	Quản trị bán hàng	HM3059	3	2512IHM305901	Trắc nghiệm	21.3: Ba Den Mountain	
250	19/11/2025	15g00	70	Quản trị Bán hàng	BA3019	3	2512IBA301903	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
251	19/11/2025	15g00	70	Quản trị bán hàng	DM3006	3	2512IDM300602	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
252	19/11/2025	15g00	70	Quản trị Bán hàng	BA3019	3	2512IBA301902	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
253	19/11/2025	15g00	70	Quản trị Bán hàng	BA3019	3	2512IBA301901	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
254	19/11/2025	15g00	70	Quản trị bán hàng	DM3006	3	2512IDM300601	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
255	19/11/2025	15g00	70	Quản trị Bán hàng	BA3019	3	2512IBA301901	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
256	19/11/2025	15g00	70	Quản trị bán hàng	DM3006	3	2512IDM300602	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
257	19/11/2025	15g00	70	Quản trị Bán hàng	BA3019	3	2512IBA301903	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
258	19/11/2025	15g00	70	Quản trị Bán hàng	BA3019	3	2512IBA301902	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
259	19/11/2025	15g00	70	Quản trị bán hàng	DM3006	3	2512IDM300601	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
260	19/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	NS3019	2	2512INS301901	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
261	19/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	NS3019	2	2512INS301902	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
262	19/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	NS3019	2	25121NS301901	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
263	19/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	NS3019	2	25121NS301902	Trắc nghiệm	21.9: Thang Long Citadel	
264	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312503	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
265	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312501	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
266	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312503	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
267	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312504	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
268	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312501	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
269	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312504	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
270	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312502	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
271	19/11/2025	16g00	50	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mất I	OS3125	2	25121OS312502	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
272	19/11/2025	16g00	50	Luật đầu tư	LA3034	2	25121LA303401	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
273	19/11/2025	16g00	50	Oral and Maxillofacial Imaging Diagnostics I	OSS017	2	25121OSS01701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
274	21/11/2025	08g00	90	Công pháp Quốc tế	IR3001	3	25121IR300101	Tự luận	17.3: Everest	
275	21/11/2025	08g00	90	Đọc Viết 3	EI2007	3	25121EI200702	Tự luận	17.8: Son Doong Cave	
276	21/11/2025	08g00	90	Đọc Viết 3	EI2007	3	25121EI200701	Tự luận	20.5: Dragon Bridge	
277	21/11/2025	08g00	90	Giao tiếp liên văn hoá	IR3035	3	25121IR303501	Tự luận	18.8: Virgo	
278	21/11/2025	08g00	90	Hình vẽ - Cụ pháp học tiếng Nhật	JS3028	3	25121JS302801	Tự luận	17.3: Everest	
279	21/11/2025	08g00	90	Hình vẽ - Cụ pháp học tiếng Nhật	JS3028	3	25121JS302801	Tự luận	20.5: Dragon Bridge	
280	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202303	Trắc nghiệm và Thực hành	19.3: Phong Nha Cave	
281	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202304	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
282	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202301	Trắc nghiệm và Thực hành	21.3: Ba Den Mountain	
283	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202302	Trắc nghiệm và Thực hành	21.6: West Lake	
284	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202303	Trắc nghiệm và Thực hành	21.8: Hue Royal Palace	
285	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202302	Trắc nghiệm và Thực hành	21.8: Hue Royal Palace	
286	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202304	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
287	21/11/2025	08g00	50	Hóa được I	DS2023	3	25121DS202301	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
288	21/11/2025	08g00	70	Kỹ thuật dự báo	LO3031	2	25121LO303101	Tự luận	17.7: Iguzazu fall	
289	21/11/2025	08g00	70	Kỹ thuật dự báo	LO3031	2	25121LO303101	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
290	21/11/2025	08g00	90	Luật hình sự - phần các tội phạm	LA2055	3	25121LA205501	Tự luận	20.3: Bao Dai Palace	
291	21/11/2025	08g00	70	Luật thương mại quốc tế	LE2015	3	25121LE201501	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
292	21/11/2025	08g00	50	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	25121OS329204	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
293	21/11/2025	08g00	50	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	25121OS329202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
294	21/11/2025	08g00	50	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	25121OS329201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
295	21/11/2025	08g00	50	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	25121OS329201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
296	21/11/2025	08g00	50	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	25121OS329202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
297	21/11/2025	08g00	50	Nhỏ răng – Phẫu thuật miệng I	OS3292	2	25121OS329203	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
298	21/11/2025	08g00	70	Quản trị chuỗi cung ứng	EC3004	3	25121EC300401	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
299	21/11/2025	08g00	50	Quản trị học	LA1004	2	25121LA100401	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chín National Park	

S/TT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chi	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
300	21/1/2025	08g00	70	Quản trị ngân hàng thương mại	FB3017	3	25121FB301702	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
301	21/1/2025	08g00	70	Quản trị ngân hàng thương mại	FB3017	3	25121FB301701	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
302	21/1/2025	08g00	70	Quản trị ngân hàng thương mại	FB3017	3	25121FB301701	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
303	21/1/2025	08g00	90	Tiếng Nhật thương mại	JS3004	3	25121JS300401	Tự luận	17.8: Son Doong Cave	
304	21/1/2025	08g00	50	Tooth Extraction – Oral Surgery I	OS5098	2	25121OS509801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
305	21/1/2025	08g00	90	Viết tiếng Trung Quốc 3	CS2030	3	25121CS203001	Tự luận	18.8: Virgo	
306	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202604	Trắc nghiệm và Thực hành	19.3: Phong Nha Cave	
307	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202603	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
308	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202602	Trắc nghiệm và Thực hành	21.3: Ba Den Mountain	
309	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202603	Trắc nghiệm và Thực hành	21.8: Hue Royal Palace	
310	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202602	Trắc nghiệm và Thực hành	21.8: Hue Royal Palace	
311	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202601	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
312	21/1/2025	09g30	50	Bảo chế và sinh được học 2	DS2026	3	25121DS202601	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
313	21/1/2025	09g30	50	Dental photography	OS5072	2	25121OS507201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
314	21/1/2025	09g30	50	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	25121OS322102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
315	21/1/2025	09g30	50	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	25121OS322103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
316	21/1/2025	09g30	50	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	25121OS322102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
317	21/1/2025	09g30	50	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	25121OS322103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
318	21/1/2025	09g30	50	Ghi hình Răng Hàm Mất	OS3221	2	25121OS322101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
319	21/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000806	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
320	21/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000807	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
321	21/1/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000806	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
322	21/1/2025	10g00	70	An ninh, an toàn trong khách sạn	HM3058	3	25121HM305801	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
323	21/1/2025	10g00	70	An ninh, an toàn trong khách sạn	HM3058	3	25121HM305801	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
324	21/1/2025	10g00	70	Digital Marketing	05125	3	251210512501	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
325	21/1/2025	10g00	70	Luật tài chính	LE3031	3	25121LE303101	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
326	21/1/2025	10g00	70	Marketing Dịch vụ	DM3017	3	25121DM301703	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
327	21/1/2025	10g00	70	Marketing Dịch vụ	DM3017	3	25121DM301701	Trắc nghiệm	17.7: Iguanu fall	
328	21/1/2025	10g00	70	Marketing Dịch vụ	DM3017	3	25121DM301701	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
329	21/1/2025	10g00	70	Marketing Dịch vụ	DM3017	3	25121DM301702	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
330	21/1/2025	10g00	70	Marketing Dịch vụ	DM3017	3	25121DM301703	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
331	21/1/2025	10g00	70	Marketing Dịch vụ	DM3017	3	25121DM301702	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
332	21/1/2025	10g00	70	Quản trị học	LO2006	3	25121LO200601	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
333	21/1/2025	10g00	70	Quản trị học	LO2006	3	25121LO200602	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
334	21/1/2025	10g00	70	Quản trị học	LO2006	3	25121LO200601	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
335	21/1/2025	11g00	50	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	25121RH308301	Trắc nghiệm và Thực hành	20.5: Dragon Bridge	
336	21/1/2025	11g00	50	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	RH3083	3	25121RH308301	Trắc nghiệm và Thực hành	19.3: Phong Nha Cave	
337	21/1/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	RH2021	1	25121RH202101	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
									19.3: Phong Nha Cave	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chủ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
338	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	RH2021	1	25121RH202101	Trắc nghiệm	21.3: Ba Den Mountain	
339	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	RH2021	1	25121RH202102	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
340	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202001	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
341	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202001	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
342	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202003	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
343	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202003	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
344	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202005	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
345	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202002	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
346	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	RH2021	1	25121RH202102	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
347	21/11/2025	11g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	NS2020	1	25121NS202002	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
348	21/11/2025	11g00	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000811	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
349	21/11/2025	11g00	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000811	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
350	21/11/2025	11g00	50	Văn hóa - Xã hội Hàn Quốc	KS3049	2	25121KS304901	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
351	21/11/2025	13g00	70	Anh Văn chuyên ngành II	EV3033	4	25121EV303301	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
352	21/11/2025	13g00	70	Anh văn chuyên ngành tham vấn – trị liệu	PS3020	3	25121PS302001	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
353	21/11/2025	13g00	70	Cơ sở dữ liệu	IT2009	3	25121IT200901	Tự luận	17.8: Son Doong Cave	
354	21/11/2025	13g00	70	Cơ sở dữ liệu	IT2009	3	25121IT200901	Tự luận	20.5: Dragon Bridge	
355	21/11/2025	13g00	90	Cơ sở lập trình	EC3002	3	25121EC300201	Tự luận	17.7: Igauzu fall	
356	21/11/2025	13g00	50	Environmental and occupational health	MD2008	1	25121MD200801	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
357	21/11/2025	13g00	90	Hoạch định mặt bằng	LO3013	3	25121LO301301	Tự luận	17.7: Igauzu fall	
358	21/11/2025	13g00	90	Hoạch định mặt bằng	LO3013	3	25121LO301301	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
359	21/11/2025	13g00	90	Khai thác dữ liệu trong chuỗi cung ứng	LO3003	3	25121LO300302	Tự luận	18.4: Leo	
360	21/11/2025	13g00	90	Kiểm toán đại cương	AC3009	3	25121AC300901	Tự luận	17.3: Everest	
361	21/11/2025	13g00	70	Kinh tế học giao dục	EM3020	2	25121EM302001	Tự luận	20.5: Dragon Bridge	
362	21/11/2025	13g00	70	Luật hành chính	LA2020	3	25121LA202001	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
363	21/11/2025	13g00	70	Lý luận Y học cổ truyền	YC2006	3	25121YC200601	Trắc nghiệm	21.3: Ba Den Mountain	
364	21/11/2025	13g00	70	Lý luận Y học cổ truyền	YC2006	3	25121YC200602	Trắc nghiệm	21.6: West Lake	
365	21/11/2025	13g00	70	Lý luận Y học cổ truyền	YC2006	3	25121YC200603	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
366	21/11/2025	13g00	70	Lý thuyết hệ thông	EM3021	2	25121EM302101	Tự luận	18.8: Virgo	
367	21/11/2025	13g00	70	Quản lý điểm dân	TM3021	3	25121TM302101	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
368	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226801	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
369	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226801	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
370	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226802	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
371	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226803	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
372	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226804	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
373	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226803	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
374	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226804	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
375	21/11/2025	13g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	MD2268	1	25121MD226802	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tín chỉ	Mã LHP	Hoàn thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
376	21/1/2025	13g00	70	Tài chính doanh nghiệp 2	FB3007	3	25121FB300701	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
377	21/1/2025	13g00	70	Tài chính doanh nghiệp 2	FB3007	3	25121FB300701	Trắc nghiệm	21.9: Thang Long Citadel	
378	21/1/2025	13g00	90	Tiếng Anh thương mại 1	EL3024	3	25121EL302401	Tự luận	18.7: Taurus	
379	21/1/2025	13g00	90	Tiếng Hàn thương mại	KS3001	3	25121KS300101	Tự luận	18.7: Taurus	
380	21/1/2025	13g00	70	Y sinh học phân tử - ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị	ML3055	3	25121ML305501	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
381	21/1/2025	13g00	70	Y sinh học phân tử - ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị	ML3055	3	25121ML305501	Trắc nghiệm	20.3: Bảo Đại Palace	
382	21/1/2025	14g30	50	Chăm sóc thai kỳ bình thường và nguy cơ nâng cao	MW3031	4	25121MW303101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
383	21/1/2025	14g30	50	Internal Medicine 1 (Theory)	MD3115	1	25121MD311501	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
384	21/1/2025	14g30	50	Kế hoạch hóa gia đình, phá thai	MW3021	2	25121MW302101	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
385	21/1/2025	14g30	50	Nội bệnh lý 1	MD3248	3	25121MD324801	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
386	21/1/2025	14g30	50	Nội bệnh lý 1 (LT)	MD3055	1	25121MD305503	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
387	21/1/2025	14g30	50	Nội bệnh lý 1 (LT)	MD3055	1	25121MD305503	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
388	21/1/2025	14g30	50	Nội bệnh lý 1 (LT)	MD3055	1	25121MD305503	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
389	21/1/2025	14g30	50	Nội bệnh lý 1 (LT)	MD3055	1	25121MD305502	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
390	21/1/2025	14g30	50	Nội bệnh lý 1 (LT)	MD3055	1	25121MD305502	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
391	21/1/2025	14g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000805	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
392	21/1/2025	15g00	70	Hoá phân tích	DS2033	4	25121DS203302	Trắc nghiệm và Thực hành	20.3: Bảo Đại Palace	
393	21/1/2025	15g00	70	Hoá phân tích	DS2033	4	25121DS203301	Trắc nghiệm và Thực hành	20.3: Bảo Đại Palace	
394	21/1/2025	15g00	70	Hoá phân tích	DS2033	4	25121DS203302	Trắc nghiệm và Thực hành	21.3: Ba Den Mountain	
395	21/1/2025	15g00	70	Hoá phân tích	DS2033	4	25121DS203301	Trắc nghiệm và Thực hành	21.6: West Lake	
396	21/1/2025	15g00	70	Hoá phân tích	DS2033	4	25121DS203303	Trắc nghiệm và Thực hành	21.8: Hue Royal Palace	
397	21/1/2025	15g00	70	Kinh tế vĩ mô	BA2005	3	25121BA200501	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
398	21/1/2025	15g00	70	Kinh tế vĩ mô	BA2005	3	25121BA200503	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
399	21/1/2025	15g00	70	Kinh tế vĩ mô	BA2005	3	25121BA200502	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
400	21/1/2025	15g00	70	Kinh tế vĩ mô	BA2005	3	25121BA200501	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
401	21/1/2025	15g00	70	Kinh tế vĩ mô	BA2005	3	25121BA200503	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
402	21/1/2025	15g00	70	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LA3030	2	25121LA303001	Tự luận	17.8: Sơn Đoong Cave	
403	21/1/2025	15g00	70	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LA3030	2	25121LA303001	Tự luận	20.3: Bảo Đại Palace	
404	21/1/2025	15g00	70	Ngữ nghĩa học	EL3013	3	25121EL301302	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
405	21/1/2025	15g00	70	Ngữ nghĩa học	EL3013	3	25121EL301301	Trắc nghiệm	17.7: Igauzu fall	
406	21/1/2025	15g00	70	Ngữ nghĩa học	EL3013	3	25121EL301301	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
407	21/1/2025	15g00	70	Quản trị Kinh doanh quốc tế	BA3015	3	25121BA301501	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
408	21/1/2025	15g00	70	Quản trị Kinh doanh quốc tế	BA3015	3	25121BA301503	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
409	21/1/2025	15g00	70	Quản trị Kinh doanh quốc tế	BA3015	3	25121BA301502	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
410	21/1/2025	15g00	70	Quản trị Kinh doanh quốc tế	BA3015	3	25121BA301501	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
411	21/1/2025	15g00	70	Quản trị Kinh doanh quốc tế	BA3015	3	25121BA301502	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
412	21/1/2025	15g00	70	Quản trị Kinh doanh quốc tế	BA3015	3	25121BA301502	Trắc nghiệm	20.5: Dragon Bridge	
413	21/1/2025	16g00	50	Chăm sóc phục hồi chức năng	NS3022	2	25121NS302202	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	



2/2

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
414	21/11/2025	16g00	50	Chăm sóc phục hồi chức năng	NS3022	2	25121NS302201	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
415	21/11/2025	16g00	50	Chăm sóc phục hồi chức năng	NS3022	2	25121NS302201	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
416	21/11/2025	16g00	50	Hóa học	ML2003	2	25121ML200301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
417	21/11/2025	16g00	50	Hóa học	ML2003	2	25121ML200301	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
418	21/11/2025	16g00	50	Hóa học	ML2003	2	25121ML200302	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
419	21/11/2025	16g00	50	Hóa học	ML2003	2	25121ML200302	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
420	21/11/2025	16g00	50	Hóa học	ML2003	2	25121ML200301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
421	21/11/2025	16g00	50	Hóa học	ML2003	2	25121ML200302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
422	21/11/2025	16g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	MD1030	2	25121MD103001	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
423	21/11/2025	17g10	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004206	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
424	21/11/2025	17g10	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004206	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
425	21/11/2025	17g10	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004207	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
426	24/11/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	ML2024	2	25121ML202401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
427	24/11/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	ML2024	2	25121ML202401	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
428	24/11/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	ML2024	2	25121ML202402	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
429	24/11/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	ML2024	2	25121ML202402	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
430	24/11/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	ML2024	2	25121ML202401	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
431	24/11/2025	08g00	50	Anh văn chuyên ngành	ML2024	2	25121ML202402	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
432	24/11/2025	08g00	70	Anh văn chuyên ngành I	FB3011	3	25121FB301101	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
433	24/11/2025	08g00	90	Anh văn chuyên ngành I	PR2009	3	25121PR200901	Tự luận	18.4: Leo	
434	24/11/2025	08g00	70	Anh văn chuyên ngành I	FB3011	3	25121FB301101	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
435	24/11/2025	08g00	90	Anh văn chuyên ngành I	MC2014	3	25121MC201402	Tự luận	17.7: Iguaazu fall	
436	24/11/2025	08g00	90	Anh văn chuyên ngành I	MC2014	3	25121MC201401	Tự luận	18.4: Leo	
437	24/11/2025	08g00	90	Anh văn chuyên ngành I	MC2014	3	25121MC201402	Tự luận	18.5: Pisces	
438	24/11/2025	08g00	90	Anh văn chuyên ngành I	MC2014	3	25121MC201401	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
439	24/11/2025	08g00	50	Các dân tộc Việt Nam	TM3035	2	25121TM303501	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
440	24/11/2025	08g00	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507006	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
441	24/11/2025	08g00	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507006	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
442	24/11/2025	08g00	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507002	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
443	24/11/2025	08g00	70	Chú thể kinh doanh	LE2012	3	25121LE201201	Trắc nghiệm	19.8: Tram Chim National Park	
444	24/11/2025	08g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103113	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
445	24/11/2025	08g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103112	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
446	24/11/2025	08g00	70	Giao tiếp trong kinh doanh	DM3021	3	25121DM302102	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
447	24/11/2025	08g00	70	Giao tiếp trong kinh doanh	DM3021	3	25121DM302102	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
448	24/11/2025	08g00	90	Kỹ năng pháp lý làm việc trong doanh nghiệp	LE3043	3	25121LE304301	Tự luận	18.5: Pisces	
449	24/11/2025	08g00	90	Kỹ năng pháp lý làm việc trong doanh nghiệp	LE3043	3	25121LE304301	Tự luận	18.8: Virgo	
450	24/11/2025	08g00	90	Triết Anh chuyên ngành I	EM2001	3	25121EM200101	Tự luận	18.5: Pisces	
451	24/11/2025	09g30	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507005	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	

SFT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉm chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
452	24/11/2025	09g30	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507005	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
453	24/11/2025	09g30	50	Luật ngân hàng	LA3046	2	25121LA304601	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
454	24/11/2025	09g30	50	Microbiology	MD2278	3	25121MD227801	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
455	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226201	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
456	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226201	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
457	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226202	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
458	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226204	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
459	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226203	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
460	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226204	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
461	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226203	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
462	24/11/2025	09g30	50	Vĩ sinh	MD2262	3	25121MD226202	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
463	24/11/2025	10g00	70	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	AC3004	3	25121AC300401	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
464	24/11/2025	10g00	70	Quan hệ kinh tế quốc tế	IR2005	3	25121IR200501	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
465	24/11/2025	10g00	70	Quan trị Chất lượng	BA3011	3	25121BA301106	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
466	24/11/2025	10g00	70	Quan trị Chất lượng	BA3011	3	25121BA301107	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
467	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	DM3007	3	25121DM300703	Trắc nghiệm	17.7: Iguaazu fall	
468	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	DM3007	3	25121DM300703	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
469	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	DM3007	3	25121DM300701	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
470	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	BA3011	3	25121BA301107	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
471	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	DM3007	3	25121DM300701	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
472	24/11/2025	10g00	70	Quan trị Chất lượng	BA3011	3	25121BA301108	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
473	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	DM3007	3	25121DM300702	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
474	24/11/2025	10g00	70	Quan trị Chất lượng	BA3011	3	25121BA301106	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
475	24/11/2025	10g00	70	Quan trị chất lượng	DM3007	3	25121DM300702	Trắc nghiệm	19.8: Tram Chim National Park	
476	24/11/2025	10g00	70	San nền tiêu thụ, chuẩn bị mặt bằng xây dựng	AT3014	2	25121AT301401	Tự luận	19.8: Tram Chim National Park	
477	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303701	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
478	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303701	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
479	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303703	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
480	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303703	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
481	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303705	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
482	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303702	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
483	24/11/2025	11g00	50	Anh văn chuyên ngành	NS3037	2	25121NS303702	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
484	24/11/2025	11g00	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507008	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
485	24/11/2025	11g00	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507002	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
486	24/11/2025	11g00	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507008	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
487	24/11/2025	11g00	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	05070	2	251210507002	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
488	24/11/2025	11g00	50	Dịch tế học cơ bản	PH3007	2	25121PH300701	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
489	24/11/2025	13g00	50	Bệnh học Ngoại khoa	RH2024	1	25121RH202402	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	



STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
490	24/11/2025	13g00	50	Bệnh học Ngoại khoa	RH2024	1	25121RH202401	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
491	24/11/2025	13g00	50	Bệnh học Ngoại khoa	RH2024	1	25121RH202401	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
492	24/11/2025	13g00	50	Bệnh học Ngoại khoa	RH2024	1	25121RH202402	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
493	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332702	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
494	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332701	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
495	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332703	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
496	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332703	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
497	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332701	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
498	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332704	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
499	24/11/2025	13g00	50	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	MD3327	1	25121MD332702	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
500	24/11/2025	13g00	90	Đọc Viết tiếng Nhật 5	JS3050	3	25121JS305001	Tự luận	18.5: Pisces	
501	24/11/2025	13g00	70	Hành vi người tiêu dùng	DM3012	3	25121DM301202	Trắc nghiệm	17.7: Igazu fall	
502	24/11/2025	13g00	70	Hành vi người tiêu dùng	DM3012	3	25121DM301201	Trắc nghiệm	17.7: Igazu fall	
503	24/11/2025	13g00	70	Hành vi người tiêu dùng	DM3012	3	25121DM301201	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
504	24/11/2025	13g00	70	Hành vi người tiêu dùng	DM3012	3	25121DM301202	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chùm National Park	
505	24/11/2025	13g00	50	National health program - Health Organization and Management	MD3041	1	25121MD304101	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
506	24/11/2025	13g00	90	Ngữ âm học tiếng Nhật	JS3041	3	25121JS304101	Tự luận	18.8: Virgo	
507	24/11/2025	13g00	90	Ngữ âm tiếng Trung Quốc	CS3033	3	25121CS303301	Tự luận	18.8: Virgo	
508	24/11/2025	13g00	70	Quản trị Nguồn nhân lực	BA3014	3	25121BA301403	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
509	24/11/2025	13g00	70	Quản trị Nguồn nhân lực	BA3014	3	25121BA301403	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
510	24/11/2025	13g00	70	Quản trị Nguồn nhân lực	BA3014	3	25121BA301401	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
511	24/11/2025	13g00	70	Quản trị Nguồn nhân lực	BA3014	3	25121BA301401	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
512	24/11/2025	13g00	70	Quản trị Nguồn nhân lực	BA3014	3	25121BA301402	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
513	24/11/2025	13g00	50	Science Socialism	GE1004	2	25121GE100401	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
514	24/11/2025	13g00	90	Số sách kế toán	AC3010	3	25121AC301001	Tự luận	18.5: Pisces	
515	24/11/2025	13g00	70	Tâm lý học quản lý	PS3001	3	25121PS300101	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
516	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204303	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
517	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204301	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
518	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204304	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
519	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204301	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
520	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204304	Trắc nghiệm	21.8: Hue Royal Palace	
521	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	DS2005	3	25121DS200503	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
522	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	DS2005	3	25121DS200501	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
523	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	DS2005	3	25121DS200503	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
524	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204305	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
525	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	25121OS204302	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
526	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	DS2005	3	25121DS200502	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
527	24/11/2025	14g30	50	Sinh lý	DS2005	3	25121DS200504	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉa chi	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
528	24/1/2025	14g30	50	Sinh lý	OS2043	3	2512IOS204302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
529	24/1/2025	14g30	50	Sinh lý	DS2005	3	2512IDS200504	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
530	24/1/2025	15g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	AC3015	4	2512IAC301501	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
531	24/1/2025	15g00	70	Đất nước học Trung Quốc	CS3027	2	2512ICS302701	Tự luận	18.5: Pisces	
532	24/1/2025	15g00	70	Hành vi tổ chức	DM3019	3	2512IDM301901	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
533	24/1/2025	15g00	70	Hành vi tổ chức	DM3019	3	2512IDM301902	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
534	24/1/2025	15g00	70	Hành vi tổ chức	DM3019	3	2512IDM301901	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
535	24/1/2025	15g00	70	Kế toán Tài chính	FB3009	4	2512IFB300901	Trắc nghiệm	17.7: Iguaazu fall	
536	24/1/2025	15g00	70	Kế toán Tài chính	FB3009	4	2512IFB300901	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
537	24/1/2025	15g00	70	Luật thương mại	LA2019	3	2512ILA201901	Trắc nghiệm	17.3: Everest	
538	24/1/2025	15g00	70	Luật thương mại	LE2013	3	2512ILE201301	Trắc nghiệm	17.7: Ignaazu fall	
539	24/1/2025	15g00	70	Phương pháp lãnh đạo	BA3017	3	2512IBA301701	Trắc nghiệm	17.8: Sơn Đoòng Cave	
540	24/1/2025	15g00	70	Phương pháp lãnh đạo	BA3017	3	2512IBA301701	Trắc nghiệm	18.4: Leo	
541	24/1/2025	16g00	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	2512I0507012	Trắc nghiệm	20.3: Bảo Đại Palace	
542	24/1/2025	16g00	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	2512I0507012	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
543	24/1/2025	16g00	50	Implant dentistry	OS5105	3	2512IOS510501	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
544	24/1/2025	16g00	50	Kết cấu công trình	AT2011	2	2512IAT201101	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
545	24/1/2025	16g00	50	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	2512IOS314802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
546	24/1/2025	16g00	50	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	2512IOS314801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
547	24/1/2025	16g00	50	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	2512IOS314802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
548	24/1/2025	16g00	50	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	2512IOS314803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
549	24/1/2025	16g00	50	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	2512IOS314803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
550	24/1/2025	16g00	50	Nha khoa cấy ghép	OS3148	3	2512IOS314801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
551	24/1/2025	16g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	2512I0004203	Trắc nghiệm	19.7: Fanspan Peak	
552	24/1/2025	16g00	50	Quan hệ công chúng căn bản	EV2004	2	2512IEV200402	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
553	24/1/2025	17g10	60	Anh văn II	GE1018	3	2512IGE101801	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
554	24/1/2025	17g10	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	2512I0507011	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
555	24/1/2025	17g10	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	2512I0507005	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
556	24/1/2025	17g10	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	2512I0507011	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
557	24/1/2025	17g10	50	Chú nghĩa xã hội khoa học	05070	2	2512I0507006	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
558	25/1/2025	08g00	90	Biên dịch thương mại - Truyền thông	EL3044	3	2512IEI304401	Tự luận	18.7: Taurus	
559	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312304	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
560	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312302	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
561	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312303	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
562	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312303	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
563	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312304	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
564	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312302	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
565	25/1/2025	08g00	50	Cẩn khớp lâm sàng	OS3123	2	2512IOS312301	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tìm chủ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
566	25/11/2025	08g00	50	Cần khớp lâm sàng	OS3123	2	25121OS312301	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
567	25/11/2025	08g00	50	Clinical Occlusion	OS3291	2	25121OS329101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
568	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307203	Trắc nghiệm	17.7: Iguaazu fall	
569	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307204	Trắc nghiệm	17.7: Iguaazu fall	
570	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307204	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
571	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307203	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
572	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307201	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
573	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307202	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
574	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307201	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
575	25/11/2025	08g00	70	Công nghệ sản xuất được phẩm	DS3072	3	25121DS307202	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
576	25/11/2025	08g00	70	Thiết bị và phương pháp xét nghiệm hóa sinh	ML3053	3	25121ML305301	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
577	25/11/2025	08g00	70	Thiết bị và phương pháp xét nghiệm hóa sinh	ML3053	3	25121ML305301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
578	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329401	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
579	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329403	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
580	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329402	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
581	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329402	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
582	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329401	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
583	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329403	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
584	25/11/2025	09g30	50	Chữa răng	OS3294	4	25121OS329404	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
585	25/11/2025	09g30	50	Operative Dentistry	OS5100	4	25121OS510001	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
586	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202804	Trắc nghiệm và Thực hành	17.7: Iguaazu fall	
587	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202802	Trắc nghiệm và Thực hành	17.7: Iguaazu fall	
588	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202804	Trắc nghiệm và Thực hành	18.7: Taurus	
589	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202803	Trắc nghiệm và Thực hành	19.3: Phong Nha Cave	
590	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202801	Trắc nghiệm và Thực hành	19.7: Fansipan Peak	
591	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202802	Trắc nghiệm và Thực hành	19.8: Trám Chim National Park	
592	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202803	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
593	25/11/2025	10g00	70	Dược lý 1	DS2028	4	25121DS202801	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
594	25/11/2025	10g00	70	Lý thuyết đồ thị	IT2006	3	25121IT200601	Tự luận	18.8: Virgo	
595	25/11/2025	10g00	70	Lý thuyết đồ thị	IT2006	3	25121IT200601	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
596	25/11/2025	11g00	50	General oncology	MD2012	2	25121MD201201	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
597	25/11/2025	11g00	50	General oncology	MD2012	2	25121MD201202	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	
598	25/11/2025	11g00	50	Tin học ứng dụng	PH2013	2	25121PH201301	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
599	25/11/2025	11g00	50	Ứng thư đại cương	MD2274	2	25121MD227403	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
600	25/11/2025	11g00	50	Ứng thư đại cương	MD2274	2	25121MD227402	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.5: Phòng máy	
601	25/11/2025	11g00	50	Ứng thư đại cương	MD2274	2	25121MD227403	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
602	25/11/2025	11g00	50	Ứng thư đại cương	MD2274	2	25121MD227402	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
603	25/11/2025	11g00	50	Ứng thư đại cương	MD2274	2	25121MD227401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
604	25/11/2025	11g00	50	Ứng thư đại cương	MD2274	2	25121MD227401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.8: Phòng máy	
605	25/11/2025	13g00	90	An toàn và Bảo mật hệ thống thông tin	EC3005	3	25121EC300501	Tự luận	18.8: Virgo	
606	25/11/2025	13g00	90	Dạy học môn toán ở tiểu học	GT3030	4	25121GT303001	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
607	25/11/2025	13g00	90	Đọc viết tiếng Hán 5	KS3029	3	25121KS302901	Tự luận	18.7: Taurus	
608	25/11/2025	13g00	50	Kỹ thuật di động khớp nâng cao	RH3087	3	25121RH308701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
609	25/11/2025	13g00	50	Kỹ thuật di động khớp nâng cao	RH3087	3	25121RH308701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
610	25/11/2025	13g00	50	Obstetrics and Gynaecology I (Theory)	MD3069	1	25121MD306901	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
611	25/11/2025	13g00	50	Phụ sản I (LT)	MD3113	1	25121MD311303	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
612	25/11/2025	13g00	50	Phụ sản I (LT)	MD3113	1	25121MD311303	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
613	25/11/2025	13g00	50	Phụ sản I (LT)	MD3113	1	25121MD311302	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
614	25/11/2025	13g00	50	Phụ sản I (LT)	MD3113	1	25121MD311303	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
615	25/11/2025	13g00	50	Phụ sản I (LT)	MD3113	1	25121MD311302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
616	25/11/2025	13g00	90	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục	EM3004	3	25121EM300401	Tự luận	18.8: Virgo	
617	25/11/2025	13g00	70	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	HM2006	3	25121HM200601	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
618	25/11/2025	13g00	70	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	HM2006	3	25121HM200601	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
619	25/11/2025	13g00	70	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	TM2012	3	25121TM201201	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
620	25/11/2025	13g00	90	Tiếng Anh chuyên ngành I	IR3027	3	25121IR302701	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
621	25/11/2025	13g00	90	Tiếng Nhật du lịch	JS3030	3	25121JS303001	Tự luận	18.7: Taurus	
622	25/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe tâm thần – Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3021	2	25121NS302101	Trắc nghiệm	17.7: Igazu fall	
623	25/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe tâm thần – Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3021	2	25121NS302102	Trắc nghiệm	17.8: Sơn Đoòng Cave	
624	25/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe tâm thần – Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3021	2	25121NS302101	Trắc nghiệm	17.8: Sơn Đoòng Cave	
625	25/11/2025	14g30	50	Chăm sóc sức khỏe tâm thần – Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	NS3021	2	25121NS302102	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
626	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
627	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
628	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201204	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
629	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
630	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201203	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
631	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201204	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
632	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201203	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
633	25/11/2025	14g30	50	Kiểm nghiệm 1	DS2012	3	25121DS201201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
634	25/11/2025	15g00	70	Hệ thống thông tin trong chuỗi cung ứng	LO3014	3	25121LO301402	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
635	25/11/2025	15g00	70	Hệ thống thông tin trong chuỗi cung ứng	LO3014	3	25121LO301401	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
636	25/11/2025	15g00	70	Hệ thống thông tin trong chuỗi cung ứng	LO3014	3	25121LO301401	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
637	25/11/2025	15g00	70	Luật ngân hàng	LE3035	3	25121LE303501	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
638	25/11/2025	15g00	70	Ngân hàng số (Digital Banking)	FB3025	3	25121FB302501	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
639	25/11/2025	15g00	70	Ngân hàng số (Digital Banking)	FB3025	3	25121FB302502	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
640	25/11/2025	15g00	70	Ngân hàng số (Digital Banking)	FB3025	3	25121FB302501	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
641	25/11/2025	15g00	70	Ngữ pháp tiếng Hán 3	KS2009	3	25121KS200901	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
642	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
643	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201401	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
644	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201403	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
645	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201403	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
646	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201402	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
647	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201402	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
648	25/11/2025	16g00	50	Ví sinh	NS2014	2	25121NS201405	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
649	26/11/2025	08g00	50	Chăm sóc thai kỳ bình thường và nguy cơ	MW3005	2	25121MW300501	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
650	26/11/2025	08g00	90	Dại cương về quản lý và quản lý giáo dục	EM2012	3	25121EM201201	Tự luận	18.8: Virgo	
651	26/11/2025	08g00	90	Dại cương về quản lý và quản lý giáo dục	EM2012	3	25121EM201201	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
652	26/11/2025	08g00	50	Internal Medicine	OS5094	3	25121OS509401	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
653	26/11/2025	08g00	90	Kế toán xây lắp	AC3026	3	25121AC302601	Tự luận	18.8: Virgo	
654	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206402	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
655	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206403	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
656	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206401	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
657	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206403	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
658	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206404	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
659	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206404	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
660	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121OS206401	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
661	26/11/2025	08g00	50	Nội Khoa	OS2064	3	25121DM300401	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
662	26/11/2025	08g00	70	Quản trị marketing	DM3004	3	25121DM300402	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
663	26/11/2025	08g00	70	Quản trị marketing	DM3004	3	25121DM300401	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
664	26/11/2025	08g00	70	Quản trị marketing	DM3004	3	25121DM300402	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
665	26/11/2025	08g00	70	Quản trị marketing	DM3004	3	25121DM300401	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
666	26/11/2025	08g00	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000801	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
667	26/11/2025	08g00	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000802	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
668	26/11/2025	08g00	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000814	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
669	26/11/2025	08g00	90	Viết tiếng Trung Quốc 5	CS3025	3	25121CS302501	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
670	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225103	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
671	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225104	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
672	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225103	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
673	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225104	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
674	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
675	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225102	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
676	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225105	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
677	26/11/2025	09g30	50	Chẩn đoán hình ảnh	MD2251	2	25121MD225102	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
678	26/11/2025	09g30	50	Diagnostic imaging	MD2011	2	25121MD201101	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
679	26/11/2025	10g00	50	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	AC3018	3	25121AC301801	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
680	26/11/2025	10g00	50	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	FB3013	3	25121FB301301	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
681	26/11/2025	10g00	50	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	FB3013	3	25121FB301301	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
682	26/11/2025	10g00	70	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BA2011	3	25121BA201101	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
683	26/11/2025	10g00	70	Tiếng Anh du lịch 1	TM3016	3	25121TM301601	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
684	26/11/2025	10g00	70	Tư pháp quốc tế	LA3035	3	25121LA303502	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
685	26/11/2025	10g00	70	Tư pháp quốc tế	LA3035	3	25121LA303501	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
686	26/11/2025	10g00	70	Tư pháp quốc tế	LA3035	3	25121LA303501	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
687	26/11/2025	11g00	50	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	25121OS310802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
688	26/11/2025	11g00	50	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	25121OS310803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
689	26/11/2025	11g00	50	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	25121OS310802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
690	26/11/2025	11g00	50	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	25121OS310803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
691	26/11/2025	11g00	50	Nha khoa công cộng và dự phòng	OS3108	3	25121OS310801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
692	26/11/2025	11g00	50	Nội khoa	ML2022	1	25121ML202202	Trắc nghiệm	19.8: Tràm Chim National Park	
693	26/11/2025	11g00	50	Nội khoa	ML2022	1	25121ML202202	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
694	26/11/2025	11g00	50	Nội khoa	ML2022	1	25121ML202201	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
695	26/11/2025	11g00	50	Nội khoa	ML2022	1	25121ML202201	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
696	26/11/2025	11g00	50	Nội khoa	ML2022	1	25121ML202201	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
697	26/11/2025	11g00	50	Public and Preventive Dentistry	OS5108	3	25121OS510801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
698	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208103	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
699	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208102	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
700	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208105	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
701	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208102	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
702	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208104	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
703	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208104	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
704	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208101	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
705	26/11/2025	13g00	50	Dịch tễ học, sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	OS2081	2	25121OS208104	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
706	26/11/2025	13g00	70	Marketing căn bản	FB2007	3	25121FB200701	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
707	26/11/2025	13g00	70	Marketing căn bản	FB2007	3	25121FB200701	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
708	26/11/2025	13g00	70	Thương mại điện tử	BA2009	3	25121BA200901	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
709	26/11/2025	13g00	70	Thương mại điện tử	BA2009	3	25121BA200901	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
710	26/11/2025	14g30	50	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	25121RH300201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
711	26/11/2025	14g30	50	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	25121RH300202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
712	26/11/2025	14g30	50	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	25121RH300202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
713	26/11/2025	14g30	50	Giải phẫu chức năng	RH3002	3	25121RH300201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
714	26/11/2025	14g30	50	Kế toán tài chính 2	AC3020	3	25121AC302001	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
715	26/11/2025	14g30	50	Phục hồi chức năng Nhi khoa	RH3014	3	25121RH301401	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
716	26/11/2025	14g30	50	Phục hồi chức năng Nhi khoa	RH3014	3	25121RH301401	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
717	26/11/2025	15g00	70	Anh văn chuyên ngành I	DM3001	3	25121DM300102	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
718	26/11/2025	15g00	70	Anh văn chuyên ngành I	DM3001	3	2512IDM300101	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
719	26/11/2025	15g00	70	Luật quốc tế	LA2023	3	2512ILA202301	Trắc nghiệm	18.5: Pisces	
720	26/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	NS3017	2	2512INS301701	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
721	26/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	NS3017	2	2512INS301702	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
722	26/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	NS3017	2	2512INS301701	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
723	26/11/2025	16g00	50	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	NS3017	2	2512INS301702	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
724	26/11/2025	16g00	50	Huyết học đông máu và truyền máu	ML3015	2	2512IML301501	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
725	26/11/2025	16g00	50	Huyết học đông máu và truyền máu	ML3015	2	2512IML301501	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
726	26/11/2025	16g00	50	Huyết học đông máu và truyền máu	ML3015	2	2512IML301502	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
727	26/11/2025	16g00	50	Huyết học đông máu và truyền máu	ML3015	2	2512IML301502	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
728	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	DS2008	2	2512IDS200802	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
729	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	DS2008	2	2512IDS200801	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
730	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	DS2008	2	2512IDS200802	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
731	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201501	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
732	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	DS2008	2	2512IDS200801	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
733	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201503	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
734	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201505	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
735	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	PH2005	1	2512IPH200501	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
736	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201502	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
737	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201503	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
738	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201502	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
739	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	DS2008	2	2512IDS200803	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
740	27/11/2025	08g00	50	Kỹ sinh trùng	NS2015	1	2512INS201501	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
741	27/11/2025	08g00	90	Phát triển Ứng dụng Web	EC3006	3	2512IEC300601	Tự luận	18.8: Virgo	
742	27/11/2025	08g00	70	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BA2011	3	2512IBA201102	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
743	27/11/2025	08g00	90	Quản lý người học trong cơ sở giáo dục	EM3001	3	2512IEM300101	Tự luận	18.8: Virgo	
744	27/11/2025	09g30	50	Dạ liệu	MD3267	2	2512IMD326702	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
745	27/11/2025	09g30	50	Dạ liệu	MD3267	2	2512IMD326703	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.5: Phòng máy	
746	27/11/2025	09g30	50	Dạ liệu	MD3267	2	2512IMD326701	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	
747	27/11/2025	09g30	50	Dạ liệu	MD3267	2	2512IMD326702	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
748	27/11/2025	09g30	50	Dạ liệu	MD3267	2	2512IMD326703	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
749	27/11/2025	09g30	50	Dạ liệu	MD3267	2	2512IMD326701	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
750	27/11/2025	09g30	50	Dermatology	MD3030	2	2512IMD303002	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
751	27/11/2025	09g30	50	Dermatology	MD3030	2	2512IMD303001	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
752	27/11/2025	09g30	50	Nhi khoa I (LT)	MD3133	1	2512IMD313303	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
753	27/11/2025	09g30	50	Nhi khoa I (LT)	MD3133	1	2512IMD313302	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
754	27/11/2025	09g30	50	Nhi khoa I (LT)	MD3133	1	2512IMD313303	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
755	27/11/2025	09g30	50	Nhi khoa I (LT)	MD3133	1	2512IMD313305	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
756	27/11/2025	09g30	50	Paediatrics I (Theory)	MD3075	1	25121MD307501	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
757	27/11/2025	10g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	LE3047	3	25121LE304701	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
758	27/11/2025	10g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	LA3042	3	25121LA304201	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
759	27/11/2025	11g00	50	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	25121NS305102	Trắc nghiệm và Thực hành	19.8: Trám Chim National Park	
760	27/11/2025	11g00	50	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	25121NS305101	Trắc nghiệm và Thực hành	20.8: Cai Rang Floating Market	
761	27/11/2025	11g00	50	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	25121NS305102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
762	27/11/2025	11g00	50	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	NS3051	3	25121NS305101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
763	27/11/2025	11g00	50	Phục hình răng I	OS3297	3	25121OS329704	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
764	27/11/2025	11g00	50	Phục hình răng I	OS3297	3	25121OS329702	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
765	27/11/2025	11g00	50	Phục hình răng I	OS3297	3	25121OS329703	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
766	27/11/2025	11g00	50	Phục hình răng I	OS3297	3	25121OS329702	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
767	27/11/2025	11g00	50	Phục hình răng I	OS3297	3	25121OS329703	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
768	27/11/2025	11g00	50	Phục hình răng I	OS3297	3	25121OS329701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
769	27/11/2025	11g00	50	Prosthodontics I	OS5102	3	25121OS510201	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
770	27/11/2025	11g00	50	Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ năng cao	RH3088	3	25121RH308801	Trắc nghiệm và Thực hành	19.3: Phòng Nha Cave	
771	27/11/2025	13g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	BA3005	4	25121BA300502	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
772	27/11/2025	13g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	BA3005	4	25121BA300501	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
773	27/11/2025	13g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	BA3005	4	25121BA300502	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
774	27/11/2025	13g00	70	Ảnh văn chuyên ngành II	BA3005	4	25121BA300501	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
775	27/11/2025	13g00	70	Bảo đảm kiểm tra chất lượng xét nghiệm vi ký sinh lâm sàng	ML3056	3	25121ML305601	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
776	27/11/2025	13g00	70	Bảo đảm kiểm tra chất lượng xét nghiệm vi ký sinh lâm sàng	ML3056	3	25121ML305601	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
777	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305104	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
778	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
779	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305104	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
780	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
781	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
782	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
783	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305101	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
784	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305102	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
785	27/11/2025	13g00	50	Dược lâm sàng đại cương	DS3051	3	25121DS305103	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
786	27/11/2025	13g00	70	Quản trị dịch vụ	EV3020	3	25121EV302001	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
787	27/11/2025	13g00	70	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực	HM3019	3	25121HM301901	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
788	27/11/2025	13g00	70	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực	HM3019	3	25121HM301901	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
789	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	25121DS307501	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
790	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	25121DS307504	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
791	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	25121DS307501	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
792	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	25121DS307503	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
793	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	25121DS307502	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tit cũ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
794	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	2512IDS307503	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
795	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	2512IDS307504	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
796	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	2512IDS307502	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
797	27/11/2025	14g30	70	Kiểm nghiệm đồng được, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm	DS3075	3	2512IDS307503	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
798	27/11/2025	15g00	70	Câu trúc dữ liệu và giải thuật	IT2007	3	2512IT200701	Tự luận	19.8: Trám Chim National Park	
799	27/11/2025	15g00	70	Câu trúc dữ liệu và giải thuật	IT2007	3	2512IT200701	Tự luận	20.8: Cai Rang Floating Market	
800	27/11/2025	15g00	70	Marketing Quốc tế	DM3016	3	2512IDM301601	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
801	27/11/2025	15g00	70	Marketing Quốc tế	DM3016	3	2512IDM301603	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
802	27/11/2025	15g00	70	Marketing Quốc tế	DM3016	3	2512IDM301602	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
803	27/11/2025	15g00	70	Marketing Quốc tế	DM3016	3	2512IDM301603	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
804	27/11/2025	15g00	70	Marketing Quốc tế	DM3016	3	2512IDM301602	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
805	27/11/2025	15g00	70	Marketing Quốc tế	DM3016	3	2512IDM301601	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
806	27/11/2025	15g00	70	Tâm lý học phát triển	PS3034	4	2512IPS303401	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
807	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206003	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
808	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206002	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
809	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206001	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
810	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206004	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
811	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206001	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
812	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206003	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
813	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206002	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
814	27/11/2025	16g00	50	Anh văn chuyên ngành	DS2060	1	2512IDS206004	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
815	28/11/2025	08g00	50	Anatomical pathology	MD2004	2	2512IMD200401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
816	28/11/2025	08g00	50	Anatomical pathology	MD2004	2	2512IMD200401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
817	28/11/2025	08g00	70	Dại cương văn học Việt Nam	GT2004	2	2512IGT200401	Tự luận	17.7: Iguaazu fall	
818	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	OS2016	2	2512IOS201603	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
819	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	OS2016	2	2512IOS201602	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
820	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	MD2264	2	2512IMD226401	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
821	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	OS2016	2	2512IOS201601	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
822	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	OS2016	2	2512IOS201604	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
823	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	OS2016	2	2512IOS201605	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
824	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	MD2264	2	2512IMD226402	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
825	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	MD2264	2	2512IMD226403	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
826	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	OS2016	2	2512IOS201605	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
827	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	MD2264	2	2512IMD226401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
828	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	MD2264	2	2512IMD226403	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
829	28/11/2025	08g00	50	Giai phẫu bệnh	MD2264	2	2512IMD226402	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
830	28/11/2025	09g30	70	Anh Văn chuyên ngành I	EV3032	3	2512IEV303201	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
831	28/11/2025	09g30	50	Giai phẫu bệnh	ML2011	3	2512IML201102	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	

S/TT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
832	28/11/2025	09g30	50	Giải phẫu bệnh	ML2011	3	25121ML201101	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
833	28/11/2025	09g30	50	Giải phẫu bệnh	ML2011	3	25121ML201102	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
834	28/11/2025	09g30	50	Giải phẫu bệnh	ML2011	3	25121ML201101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
835	28/11/2025	09g30	50	Giải phẫu bệnh	ML2011	3	25121ML201102	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
836	28/11/2025	09g30	50	Giải phẫu bệnh	ML2011	3	25121ML201101	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
837	28/11/2025	09g30	50	Kế toán tài chính 1	AC3019	3	25121AC301901	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
838	28/11/2025	09g30	70	Lịch sử Ngoại giao Việt Nam	IR2007	3	25121IR200701	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
839	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301805	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
840	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301808	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
841	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301805	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
842	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301808	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
843	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301807	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
844	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301806	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
845	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301807	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
846	28/11/2025	09g30	70	Quản trị Hành chính - Văn phòng	BA3018	3	25121BA301806	Trắc nghiệm	20.8: Cai Rang Floating Market	
847	28/11/2025	10g00	70	Đầu tư tài chính	FB3022	3	25121FB302201	Trắc nghiệm	17.7: Iguazu fall	
848	28/11/2025	10g00	70	Đầu tư tài chính	FB3022	3	25121FB302202	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
849	28/11/2025	10g00	70	Đầu tư tài chính	FB3022	3	25121FB302201	Trắc nghiệm	17.8: Son Doong Cave	
850	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
851	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201702	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
852	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	MD2266	3	25121MD226601	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
853	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201701	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
854	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201703	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
855	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	MD2266	3	25121MD226601	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
856	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201703	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
857	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201702	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
858	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	NS2017	2	25121NS201705	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
859	28/11/2025	11g00	50	Dược lý	PH2007	2	25121PH200701	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
860	28/11/2025	13g00	70	Địa lý Du lịch Việt Nam	TM3062	3	25121TM300201	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
861	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506903	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
862	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506904	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
863	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506904	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
864	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506912	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
865	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506912	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
866	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506903	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
867	28/11/2025	13g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506903	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
868	28/11/2025	13g00	70	Luật cạnh tranh và chống độc quyền	LE3042	3	25121LE304201	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
869	28/11/2025	13g00	70	Luật cạnh tranh và chống độc quyền	LE3042	3	25121LE304201	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
870	28/11/2025	13g00	90	Nghe bản tin tiếng Trung Quốc 1	CS3039	3	25121CS303901	Tự luận	19.8: Trăm Chim National Park	
871	28/11/2025	14g30	50	Khoa học vận động	RH3003	2	25121RH300302	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
872	28/11/2025	14g30	50	Khoa học vận động	RH3003	2	25121RH300301	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
873	28/11/2025	14g30	50	Khoa học vận động	RH3003	2	25121RH300302	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
874	28/11/2025	14g30	50	Khoa học vận động	RH3003	2	25121RH300301	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
875	28/11/2025	14g30	50	Marxist-Leninist Political Economy	GE1003	2	25121GE100301	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
876	28/11/2025	14g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000802	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
877	28/11/2025	14g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000802	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
878	28/11/2025	15g00	70	Anh văn chuyên ngành I	LE3005	3	25121LE300501	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
879	28/11/2025	15g00	70	Thuế	FB2012	3	25121FB201201	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
880	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506906	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
881	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506913	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
882	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506907	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
883	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506913	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
884	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506907	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
885	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506905	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
886	28/11/2025	16g00	50	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	05069	2	251210506905	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
887	01/12/2025	08g00	50	General Internal Medicine I (Theory)	MD3322	1	25121MD332201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
888	01/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở I (LT)	MD3320	1	25121MD332001	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
889	01/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở I (LT)	MD3320	1	25121MD332002	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
890	01/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở I (LT)	MD3320	1	25121MD332001	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
891	01/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở I (LT)	MD3320	1	25121MD332003	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
892	01/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở I (LT)	MD3320	1	25121MD332002	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
893	01/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở I (LT)	MD3320	1	25121MD332003	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
894	01/12/2025	08g00	50	Xác suất thống kê	AC1002	2	25121AC100201	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
895	01/12/2025	08g00	50	Xác suất thống kê	FB1003	2	25121FB100302	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
896	01/12/2025	08g00	50	Y học cổ truyền cơ sở	YC3022	2	25121YC302202	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
897	01/12/2025	09g30	50	Emergency	MD3312	2	25121MD331201	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.8: Phòng máy	
898	01/12/2025	09g30	50	Phục hồi chức năng	MD3268	2	25121MD326803	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
899	01/12/2025	09g30	50	Phục hồi chức năng	MD3268	2	25121MD326803	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
900	01/12/2025	09g30	50	Phục hồi chức năng	MD3268	2	25121MD326802	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.5: Phòng máy	
901	01/12/2025	09g30	50	Phục hồi chức năng	MD3268	2	25121MD326802	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	
902	01/12/2025	09g30	50	Phục hồi chức năng	MD3268	2	25121MD326801	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
903	01/12/2025	09g30	50	Rehabilitation	MD3031	2	25121MD303101	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	
904	01/12/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000808	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
905	01/12/2025	09g30	50	Tin học đại cương	00008	2	251210000808	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
906	01/12/2025	10g00	70	Học luật và đạo đức nghề luật	LA1003	2	25121LA100301	Tự luận	18.7: Taurus	
907	01/12/2025	10g00	70	Học luật và đạo đức nghề luật	LA1003	2	25121LA100301	Tự luận	18.8: Virgo	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chi	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
908	01/12/2025	10g00	70	Xã hội học giáo dục	EM3023	2	25121EM302301	Tự luận	18.8: Virgo	
909	01/12/2025	11g00	50	Kỹ năng giao tiếp	PS1010	3	25121PS101001	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
910	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	MD1030	2	25121MD103003	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
911	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	MD1030	2	25121MD103003	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
912	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	ML2021	2	25121ML202102	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
913	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	ML2021	2	25121ML202102	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
914	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	ML2021	2	25121ML202101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
915	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	MD1030	2	25121MD103003	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
916	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	ML2021	2	25121ML202102	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
917	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	ML2021	2	25121ML202101	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
918	01/12/2025	11g00	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	ML2021	2	25121ML202101	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
919	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103101	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
920	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103101	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
921	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103101	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
922	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103102	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
923	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103104	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
924	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103102	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
925	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103104	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
926	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103104	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
927	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103103	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
928	01/12/2025	13g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103102	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
929	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103107	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
930	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103111	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
931	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103106	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
932	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103108	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
933	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103106	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
934	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103108	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
935	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103109	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
936	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103107	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
937	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103106	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
938	01/12/2025	14g30	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103109	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
939	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103114	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
940	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103115	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
941	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103116	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
942	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103116	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
943	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103116	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
944	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103114	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
945	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103114	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chủ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
946	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103115	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
947	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103116	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
948	01/12/2025	16g00	50	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	MD1031	2	25121MD103118	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
949	02/12/2025	08g00	50	General Internal Medicine II (Theory)	MD3345	1	25121MD334501	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
950	02/12/2025	08g00	70	Hàn tự	CS2022	2	25121CS202201	Tự luận	18.7: Taurus	
951	02/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở II (LT)	MD3324	1	25121MD332401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
952	02/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở II (LT)	MD3324	1	25121MD332402	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
953	02/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở II (LT)	MD3324	1	25121MD332401	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
954	02/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở II (LT)	MD3324	1	25121MD332403	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
955	02/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở II (LT)	MD3324	1	25121MD332402	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
956	02/12/2025	08g00	50	Nội cơ sở II (LT)	MD3324	1	25121MD332402	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
957	02/12/2025	09g30	70	Giải tích	GE1023	3	25121GE102301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
958	02/12/2025	09g30	70	Giải tích	GE1023	3	25121GE102303	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
959	02/12/2025	09g30	70	Giải tích	GE1023	3	25121GE102303	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
960	02/12/2025	09g30	70	Giải tích	GE1023	3	25121GE102301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
961	02/12/2025	09g30	70	Ngữ pháp tiếng Han I	KS2021	3	25121KS202101	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
962	02/12/2025	09g30	50	Xã hội học đại cương	IR1005	2	25121IR100502	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
963	02/12/2025	09g30	50	Xã hội học đại cương	IR1005	2	25121IR100506	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
964	02/12/2025	09g30	50	Xã hội học đại cương	IR1005	2	25121IR100506	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
965	02/12/2025	09g30	50	Xã hội học đại cương	IR1005	2	25121IR100502	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
966	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004216	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
967	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004217	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
968	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004216	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
969	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004209	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
970	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004217	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
971	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004209	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
972	02/12/2025	11g00	50	Pháp luật đại cương	00042	2	251210004208	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
973	02/12/2025	11g00	50	Quan hệ công chúng đại cương	MC2021	2	25121MC202101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
974	03/12/2025	08g00	70	Marketing căn bản	BA2007	3	25121BA200707	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
975	03/12/2025	08g00	70	Marketing căn bản	BA2007	3	25121BA200707	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
976	03/12/2025	08g00	50	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	FB2013	2	25121FB201301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
977	03/12/2025	08g00	50	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	FB2013	2	25121FB201301	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
978	03/12/2025	08g00	50	Odonto stomatology	MD3027	2	25121MD302702	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
979	03/12/2025	08g00	50	Odonto stomatology	MD3027	2	25121MD302701	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
980	03/12/2025	08g00	50	Răng hàm mặt	MD3264	2	25121MD326402	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
981	03/12/2025	08g00	50	Răng hàm mặt	MD3264	2	25121MD326403	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.5: Phòng máy	
982	03/12/2025	08g00	50	Răng hàm mặt	MD3264	2	25121MD326403	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	
983	03/12/2025	08g00	50	Răng hàm mặt	MD3264	2	25121MD326402	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
984	03/12/2025	08g00	50	Răng hàm mắt	MD3264	2	25121MD326401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
985	03/12/2025	09g30	50	Dịch tễ học	MD2296	1	25121MD229601	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
986	03/12/2025	09g30	50	Dịch tễ học	ML2015	1	25121ML201501	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
987	03/12/2025	09g30	50	Dịch tễ học	ML2015	1	25121ML201501	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
988	03/12/2025	09g30	50	Dịch tễ học	ML2015	1	25121ML201501	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
989	03/12/2025	09g30	50	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	RH2001	2	25121RH200101	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
990	03/12/2025	09g30	50	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	RH2001	2	25121RH200101	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
991	03/12/2025	09g30	50	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	RH2001	2	25121RH200102	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
992	03/12/2025	09g30	50	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	RH2001	2	25121RH200102	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
993	03/12/2025	09g30	50	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	RH2001	2	25121RH200102	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
994	03/12/2025	09g30	50	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	RH2001	2	25121RH200101	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
995	03/12/2025	10g00	70	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TM2010	3	25121TM201001	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
996	03/12/2025	10g00	70	Giao tiếp đa văn hóa	EM2021	2	25121EM202101	Tự luận	19.3: Phong Nha Cave	
997	03/12/2025	11g00	50	Hóa sinh	OS2057	2	25121OS205701	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
998	03/12/2025	11g00	50	Hóa sinh	OS2057	2	25121OS205701	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
999	03/12/2025	11g00	50	Hóa sinh	OS2057	2	25121OS205702	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1000	03/12/2025	11g00	50	Hóa sinh	OS2057	2	25121OS205702	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1001	03/12/2025	11g00	50	Hóa sinh	OS2057	2	25121OS205701	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1002	03/12/2025	11g00	50	Hóa sinh	OS2057	2	25121OS205702	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1003	03/12/2025	11g00	50	Nhập môn ngành Digital marketing	DM1002	2	25121DM100201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1004	03/12/2025	11g00	50	Nhập môn ngành Digital marketing	DM1002	2	25121DM100201	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1005	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202105	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1006	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202101	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1007	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202101	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1008	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202103	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1009	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202103	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1010	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	ML2015	1	25121ML201502	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1011	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	ML2015	1	25121ML201502	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1012	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	ML2015	1	25121ML201502	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1013	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202103	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1014	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202102	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1015	03/12/2025	13g00	50	Dịch tễ học	NS2021	1	25121NS202102	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1016	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104804	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1017	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104802	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1018	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104801	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1019	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104803	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1020	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104805	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1021	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104801	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chủ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1022	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104805	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1023	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104802	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1024	03/12/2025	14g30	70	Anh văn chuyên ngành	MD1048	3	25121MD104803	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1025	03/12/2025	14g30	70	English in Medicine I	MD3297	3	25121MD329701	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1026	03/12/2025	15g00	70	Marketing căn bản	BA2007	3	25121BA200706	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
1027	03/12/2025	16g00	50	Những quy định chung của luật dân sự	LA2004	2	25121LA200401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1028	03/12/2025	16g00	50	Những quy định chung của luật dân sự	LA2004	2	25121LA200401	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1029	03/12/2025	16g00	50	Những quy định chung của luật dân sự	LA2004	2	25121LA200401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1030	03/12/2025	16g00	50	Thực hành được khoa	DS2058	3	25121DS205801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
1031	03/12/2025	16g00	50	Thực hành được khoa	DS2058	3	25121DS205801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
1032	03/12/2025	16g00	50	Thực hành được khoa	DS2058	3	25121DS205802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
1033	03/12/2025	16g00	50	Thực hành được khoa	DS2058	3	25121DS205802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
1034	03/12/2025	16g00	50	Xã hội học đại cương	IR1005	2	25121IR100501	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1035	04/12/2025	08g00	50	General Surgery I (Theory)	MD3368	1	25121MD336801	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1036	04/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở I (LT)	MD3347	1	25121MD334701	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1037	04/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở I (LT)	MD3347	1	25121MD334702	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1038	04/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở I (LT)	MD3347	1	25121MD334701	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1039	04/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở I (LT)	MD3347	1	25121MD334703	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1040	04/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở I (LT)	MD3347	1	25121MD334703	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1041	04/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở I (LT)	MD3347	1	25121MD334702	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nha Cave	
1042	04/12/2025	09g30	90	Đọc Viết I	EL2017	3	25121EL201701	Tự luận	9.1: Phòng máy	
1043	04/12/2025	09g30	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506802	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1044	04/12/2025	09g30	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506801	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1045	04/12/2025	09g30	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506807	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1046	04/12/2025	09g30	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506802	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1047	04/12/2025	09g30	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506807	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1048	04/12/2025	09g30	50	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506809	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1049	04/12/2025	11g00	50	Đọc hiểu tiếng Trung Quốc I	CS2025	2	25121CS202501	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1050	04/12/2025	11g00	50	Đọc hiểu tiếng Trung Quốc I	CS2025	2	25121CS202501	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1051	04/12/2025	11g00	50	Đọc hiểu tiếng Trung Quốc I	CS2032	3	25121CS203201	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1052	04/12/2025	11g00	50	Tâm lý học đại cương	IR1006	2	25121IR100604	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1053	04/12/2025	11g00	50	Tâm lý học đại cương	IR1006	2	25121IR100605	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1054	04/12/2025	11g00	50	Tâm lý học đại cương	IR1006	2	25121IR100604	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1055	04/12/2025	11g00	50	Tâm lý học đại cương	IR1006	2	25121IR100605	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1056	05/12/2025	08g00	50	Đại số tuyến tính	GE1024	2	25121GE102402	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1057	05/12/2025	08g00	50	Đại số tuyến tính	GE1024	2	25121GE102401	Trắc nghiệm	19.8: Trăm Chim National Park	
1058	05/12/2025	08g00	50	Đại số tuyến tính	GE1024	2	25121GE102402	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1059	05/12/2025	08g00	50	Đại số tuyến tính	GE1024	2	25121GE102401	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1060	05/12/2025	08g00	50	General Surgery II (Theory)	MD3372	1	25121MD337201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1061	05/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở II (LT)	MD3370	1	25121MD337001	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1062	05/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở II (LT)	MD3370	1	25121MD337002	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1063	05/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở II (LT)	MD3370	1	25121MD337001	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1064	05/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở II (LT)	MD3370	1	25121MD337003	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1065	05/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở II (LT)	MD3370	1	25121MD337002	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1066	05/12/2025	08g00	50	Ngoại cơ sở II (LT)	MD3370	1	25121MD337003	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1067	05/12/2025	09g30	50	Lý sinh	DS1021	1	25121DS102101	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1068	05/12/2025	09g30	50	Lý sinh	DS1021	1	25121DS102101	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
1069	05/12/2025	09g30	50	Lý sinh	DS1021	1	25121DS102102	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1070	05/12/2025	09g30	50	Lý sinh	DS1021	1	25121DS102102	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1071	05/12/2025	09g30	50	Traditional medicine	MD3025	2	25121MD302501	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
1072	05/12/2025	09g30	50	Traditional medicine	MD3025	2	25121MD302501	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
1073	05/12/2025	09g30	50	Y học cổ truyền	MD3262	2	25121MD326203	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
1074	05/12/2025	09g30	50	Y học cổ truyền	MD3262	2	25121MD326203	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1075	05/12/2025	09g30	50	Y học cổ truyền	MD3262	2	25121MD326202	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
1076	05/12/2025	09g30	50	Y học cổ truyền	MD3262	2	25121MD326202	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.5: Phòng máy	
1077	05/12/2025	09g30	50	Y học cổ truyền	MD3262	2	25121MD326201	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
1078	05/12/2025	10g00	70	Cơ sở văn hóa Việt Nam	IR1007	2	25121IR100703	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
1079	05/12/2025	10g00	70	Cơ sở văn hóa Việt Nam	IR1007	2	25121IR100703	Tự luận	19.8: Trăm Chim National Park	
1080	05/12/2025	10g00	70	Lý thuyết hệ thống	EM3021	2	25121EM302102	Tự luận	19.8: Trăm Chim National Park	
1081	05/12/2025	10g00	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506803	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1082	05/12/2025	10g00	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506804	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1083	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	RH2018	1	25121RH201801	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1084	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	RH2018	1	25121RH201801	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
1085	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	ML2014	1	25121ML201402	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1086	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	ML2014	1	25121ML201402	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1087	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	ML2014	1	25121ML201401	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1088	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	RH2018	1	25121RH201802	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1089	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	RH2018	1	25121RH201802	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1090	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	ML2014	1	25121ML201401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1091	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	ML2014	1	25121ML201402	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1092	05/12/2025	11g00	50	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	RH2018	1	25121RH201802	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1093	05/12/2025	13g00	50	Biophysics	MD1051	2	25121MD105101	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
1094	05/12/2025	13g00	70	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	LA2006	3	25121LA200601	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1095	05/12/2025	13g00	70	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	LA2006	3	25121LA200601	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1096	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh	MD1050	2	25121MD105001	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
1097	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh	MD1050	2	25121MD105003	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi		Mã HP	Tm chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Chi Chú
1098	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105007	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1099	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105006	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
1100	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105001	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
1101	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105003	Trắc nghiệm	20.5: Dragon Bridge	
1102	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105005	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1103	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		KH1003	2	25121KH100301	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1104	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105005	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1105	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105004	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1106	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105004	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1107	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105007	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1108	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		MD1050	2	25121MD105007	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1109	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		KH1003	2	25121KH100301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1110	05/12/2025	13g00	50	Lý sinh		PH1003	2	25121PH100301	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1111	05/12/2025	14g30	50	Biophysics		OS2058	2	25121OS205801	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1112	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205604	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
1113	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205604	Trắc nghiệm	20.5: Dragon Bridge	
1114	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205601	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1115	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205601	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1116	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205602	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1117	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205602	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1118	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205603	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1119	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205603	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1120	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205602	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1121	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205601	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1122	05/12/2025	14g30	50	Lý sinh		OS2056	2	25121OS205603	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1123	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		BA2004	3	25121BA200402	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1124	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		BA2004	3	25121BA200410	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1125	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		LA1005	2	25121LA100502	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1126	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		BA2004	3	25121BA200403	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1127	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		BA2004	3	25121BA200411	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1128	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		BA2004	3	25121BA200403	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
1129	05/12/2025	15g00	70	Kinh tế vi mô		BA2004	3	25121BA200402	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
1130	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh		NS2004	2	25121NS200401	Trắc nghiệm	20.3: Bao Dai Palace	
1131	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh		NS2004	2	25121NS200403	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1132	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh		NS2004	2	25121NS200403	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1133	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh		NS2004	2	25121NS200402	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1134	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh		NS2004	2	25121NS200402	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1135	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh		NS2004	2	25121NS200401	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tên chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1136	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh	NS2004	2	2512INS200401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1137	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh	NS2004	2	2512INS200402	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1138	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh	NS2004	2	2512INS200403	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1139	05/12/2025	16g00	50	Lý sinh	NS2004	2	2512INS200405	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1140	08/12/2025	08g00	70	Giới thiệu ngành	IT1004	2	2512IT100401	Tự luận	18.7: Taurus	
1141	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103706	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1142	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	KH1004	2	2512IKH100401	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1143	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103706	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1144	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	KH1004	2	2512IKH100401	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
1145	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103708	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1146	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103707	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1147	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103709	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1148	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103708	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1149	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103707	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1150	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103722	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1151	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103709	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1152	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103708	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1153	08/12/2025	08g00	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103707	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1154	08/12/2025	08g00	70	Tư duy biện luận	KY1008	2	2512IKY100801	Tự luận	18.7: Taurus	
1155	08/12/2025	09g30	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	EM1007	2	2512IEM100701	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
1156	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103713	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1157	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103713	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1158	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103712	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
1159	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103716	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1160	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103712	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chim National Park	
1161	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103712	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1162	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103719	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1163	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103720	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1164	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103719	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1165	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103714	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1166	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103714	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1167	08/12/2025	09g30	50	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	MD1037	2	2512IMD103720	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1168	08/12/2025	11g00	50	Anatomy I	OS2048	2	2512IOS204801	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1169	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	2512IOS204103	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1170	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	MD2297	2	2512IMD229702	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1171	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	MD2297	2	2512IMD229701	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1172	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	MD2256	3	2512IMD225605	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	
1173	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	2512IOS204106	Trắc nghiệm	19.3: Phòng Nhà Cave	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin cũ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Chi Chú
1174	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225605	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1175	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	MD2297	2	25121MD229701	Trắc nghiệm	19.8: Trám Chìm National Park	
1176	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204107	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1177	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204101	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1178	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204104	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1179	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204101	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1180	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204102	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1181	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204102	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1182	08/12/2025	11g00	50	Giải phẫu I	OS2041	2	25121OS204104	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1183	08/12/2025	13g00	50	Anatomy I	MD2001	3	25121MD200101	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1184	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225604	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1185	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225601	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1186	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225602	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1187	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225603	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1188	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225602	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1189	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225603	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1190	08/12/2025	13g00	70	Giải phẫu I	MD2256	3	25121MD225601	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1191	08/12/2025	13g00	70	Lịch sử văn minh thế giới	IR1001	2	25121IR100103	Tự luận	18.7: Taurus	
1192	08/12/2025	13g00	70	Lịch sử văn minh thế giới	IR1001	2	25121IR100103	Tự luận	18.8: Virgo	
1193	08/12/2025	13g00	70	Lý luận về nhà nước và pháp luật	LA2017	3	25121LA201701	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1194	08/12/2025	13g00	70	Lý luận về nhà nước và pháp luật	LA2017	3	25121LA201701	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1195	08/12/2025	13g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200303	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1196	08/12/2025	13g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200303	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1197	08/12/2025	15g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200308	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1198	08/12/2025	15g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200314	Trắc nghiệm	18.8: Virgo	
1199	08/12/2025	15g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200308	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1200	08/12/2025	15g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200309	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1201	08/12/2025	15g00	70	Quản trị học	BA2003	3	25121BA200309	Trắc nghiệm	19.7: Fansipan Peak	
1202	09/12/2025	08g00	50	Điều dưỡng cơ bản	ML2013	2	25121ML201301	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1203	09/12/2025	08g00	50	Điều dưỡng cơ bản	ML2013	2	25121ML201302	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1204	09/12/2025	08g00	50	Điều dưỡng cơ bản	ML2013	2	25121ML201302	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1205	09/12/2025	08g00	50	Điều dưỡng cơ bản	ML2013	2	25121ML201301	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1206	09/12/2025	08g00	50	Điều dưỡng cơ bản	ML2013	2	25121ML201301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1207	09/12/2025	08g00	50	Điều dưỡng cơ bản	ML2013	2	25121ML201302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1208	09/12/2025	08g00	90	Tư duy biện luận	04808	3	251210480804	Tự luận	18.7: Taurus	
1209	09/12/2025	08g00	90	Tư duy biện luận	04808	3	251210480804	Tự luận	18.8: Virgo	
1210	09/12/2025	09g30	70	Ngữ pháp I	EL2018	3	25121EL201801	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1211	09/12/2025	09g30	70	Ngữ pháp I	EL2018	3	25121EL201801	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	MA HP	Tỉn chí	Ma LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1212	09/12/2025	09g30	70	Triết học Mác – Lê nin	05068	3	251210506804	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1213	09/12/2025	10g00	70	Cơ sở văn hóa Việt Nam	IR1007	2	25121IR100704	Tự luận	18.7: Taurus	
1214	09/12/2025	10g00	70	Cơ sở văn hóa Việt Nam	IR1007	2	25121IR100705	Tự luận	18.8: Virgo	
1215	09/12/2025	13g00	90	Viết tiếng Trung Quốc 1	CS2020	3	25121CS202001	Tự luận	18.7: Taurus	
1216	10/12/2025	08g00	70	Nhập môn và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý tri liệu	RH3071	1	25121RH307102	Tự luận	18.7: Taurus	
1217	10/12/2025	08g00	70	Nhập môn và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý tri liệu	RH3071	1	25121RH307101	Tự luận	18.7: Taurus	
1218	10/12/2025	08g00	70	Nhập môn và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý tri liệu	RH3071	1	25121RH307101	Tự luận	19.3: Phòng Nha Cave	
1219	10/12/2025	08g00	70	Nhập môn và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý tri liệu	RH3071	1	25121RH307102	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
1220	10/12/2025	08g00	50	Obstetrics and gynaecology III	MD3020	3	25121MD302001	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.8: Phòng máy	
1221	10/12/2025	08g00	50	Phụ sản III	MD3257	3	25121MD325702	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1222	10/12/2025	08g00	50	Phụ sản III	MD3257	3	25121MD325701	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.5: Phòng máy	
1223	10/12/2025	08g00	50	Phụ sản III	MD3257	3	25121MD325701	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.6: Phòng máy	
1224	10/12/2025	08g00	50	Phụ sản III	MD3257	3	25121MD325702	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.8: Phòng máy	
1225	10/12/2025	08g00	70	Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch	HM2005	3	25121HM200501	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1226	10/12/2025	08g00	70	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	TM2009	3	25121TM200901	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1227	10/12/2025	09g30	50	Định hướng nghề nghiệp Định hướng – Pháp luật tổ chức y tế	NT3001	2	25121NT300101	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1228	10/12/2025	09g30	50	Định hướng nghề nghiệp Hộ sinh - Pháp luật tổ chức y tế	MW3001	2	25121MW300101	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1229	10/12/2025	09g30	70	Nguyên lý kế toán	FB2010	3	25121FB201001	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1230	10/12/2025	09g30	70	Nguyên lý kế toán	BA2008	3	25121BA200801	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1231	10/12/2025	09g30	70	Thương mại điện tử	DM3023	3	25121DM302301	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1232	10/12/2025	09g30	70	Thương mại điện tử	DM3023	3	25121DM302301	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1233	10/12/2025	10g00	90	Luật hiến pháp Việt Nam	LA2016	3	25121LA201601	Tự luận	18.7: Taurus	
1234	10/12/2025	10g00	90	Luật hiến pháp Việt Nam	LA2016	3	25121LA201601	Tự luận	19.3: Phòng Nha Cave	
1235	10/12/2025	10g00	90	Tư duy biện luận	04808	3	251210480801	Tự luận	19.3: Phòng Nha Cave	
1236	10/12/2025	10g00	90	Tư duy biện luận	04808	3	251210480801	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
1237	10/12/2025	11g00	50	Định hướng tiết chế	DS2056	1	25121DS205603	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1238	10/12/2025	11g00	50	Định hướng tiết chế	DS2056	1	25121DS205602	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1239	10/12/2025	11g00	50	Định hướng tiết chế	DS2056	1	25121DS205602	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1240	10/12/2025	11g00	50	Định hướng tiết chế	DS2056	1	25121DS205603	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1241	10/12/2025	11g00	50	Nhập môn ngành Kinh doanh quốc tế	KQ2001	2	25121KQ200101	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1242	10/12/2025	11g00	50	Tâm lý học Đại cương	EV1001	2	25121EV100101	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1243	10/12/2025	11g00	50	Tâm lý học đại cương	IR1006	2	25121IR100603	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1244	10/12/2025	11g00	50	Tâm lý học Đại cương	EV1001	2	25121EV100101	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1245	10/12/2025	11g00	50	Tâm lý học đại cương	IR1006	2	25121IR100603	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1246	10/12/2025	13g00	50	Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300301	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1247	10/12/2025	13g00	50	Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300301	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1248	10/12/2025	13g00	50	Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300303	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1249	10/12/2025	13g00	50	Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300303	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tm chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1250	10/12/2025	13g00	50	Dinh hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300302	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1251	10/12/2025	13g00	50	Dinh hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300302	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1252	10/12/2025	13g00	50	Dinh hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300301	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1253	10/12/2025	13g00	50	Dinh hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300303	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1254	10/12/2025	13g00	50	Dinh hướng nghề nghiệp Điều dưỡng – Pháp luật tổ chức y tế	NS3003	2	25121NS300302	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1255	10/12/2025	13g00	70	Hệ thống giáo dục Việt Nam và thể giới/Giáo dục học so sánh	EM2020	2	25121EM202001	Tự luận	19.7: Fanshipan Peak	
1256	10/12/2025	13g00	70	Kiến trúc máy tính	IT2010	3	25121IT201001	Tự luận	18.7: Taurus	
1257	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103405	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1258	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103407	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1259	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103406	Trắc nghiệm	19.7: Fanshipan Peak	
1260	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103401	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1261	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103408	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1262	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103403	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1263	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103409	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1264	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103409	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1265	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1266	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103409	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1267	10/12/2025	14g30	50	Hóa học	MD1034	2	25121MD103403	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1268	10/12/2025	16g00	50	Chemistry	MD1043	2	25121MD104301	Trắc nghiệm	18.7: Taurus	
1269	10/12/2025	16g00	50	Chemistry	OS2059	2	25121OS205901	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1270	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200604	Trắc nghiệm	19.3: Phong Nha Cave	
1271	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200604	Trắc nghiệm	19.7: Fanshipan Peak	
1272	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200603	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1273	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200602	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1274	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200606	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1275	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200601	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1276	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200601	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1277	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200602	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1278	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200606	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1279	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200601	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1280	10/12/2025	16g00	50	Hóa học	OS2006	2	25121OS200603	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1281	11/12/2025	08g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	ML2016	1	25121ML201601	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1282	11/12/2025	08g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	ML2016	1	25121ML201602	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1283	11/12/2025	08g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	ML2016	1	25121ML201602	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1284	11/12/2025	08g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	ML2016	1	25121ML201601	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1285	11/12/2025	08g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	ML2016	1	25121ML201602	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1286	11/12/2025	08g00	50	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	ML2016	1	25121ML201601	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1287	11/12/2025	09g30	70	Lịch sử văn minh thế giới	IR1001	2	25121IR100104	Tự luận	18.8: Virgo	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tỉn chí	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1288	11/12/2025	09g30	70	Lịch sử văn minh thế giới	IR1001	2	25121IR100105	Tự luận	19.7: Fansipan Peak	
1289	11/12/2025	09g30	90	Vật lý đại cương	GE1021	3	25121GE102101	Tự luận	18.7: Taurus	
1290	12/12/2025	08g00	90	Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	EM2012	3	25121EM201202	Tự luận	18.7: Taurus	
1291	12/12/2025	08g00	50	Internal Medicine IV	MD3014	3	25121MD301401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1292	12/12/2025	08g00	70	Nhập môn lập trình	IT1005	3	25121IT100501	Tự luận	18.8: Virgo	
1293	12/12/2025	08g00	50	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	25121MD325102	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
1294	12/12/2025	08g00	50	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	25121MD325101	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1295	12/12/2025	08g00	50	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	25121MD325102	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
1296	12/12/2025	08g00	50	Nội bệnh lý IV	MD3251	3	25121MD325101	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
1297	12/12/2025	08g00	50	Thống kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100403	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1298	12/12/2025	08g00	50	Thống kê trong kinh doanh	BA1004	2	25121BA100403	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1299	12/12/2025	09g30	70	Gải phẫu	RH2010	3	25121RH201001	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1300	12/12/2025	09g30	70	Gải phẫu	RH2010	3	25121RH201002	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1301	12/12/2025	09g30	70	Gải phẫu	RH2010	3	25121RH201002	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1302	12/12/2025	09g30	70	Gải phẫu	KY2007	3	25121KY200701	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1303	12/12/2025	09g30	50	Gải phẫu	RH2010	3	25121RH201001	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1304	12/12/2025	09g30	70	Gải phẫu	RH2010	3	25121RH201001	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1305	12/12/2025	09g30	70	Marketing căn bản	BA2007	3	25121BA200703	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1306	12/12/2025	09g30	70	Marketing căn bản	LA3030	2	25121LA303002	Tự luận	18.7: Taurus	
1307	12/12/2025	10g00	70	Kỹ năng soạn thảo văn bản	LA3030	2	25121LA303002	Tự luận	18.8: Virgo	
1308	12/12/2025	10g00	70	Kỹ năng soạn thảo văn bản	PS1009	2	25121PS100906	Tự luận	18.8: Virgo	
1309	12/12/2025	10g00	70	Tư duy biện luận	ML2008	2	25121ML200801	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1310	12/12/2025	11g00	50	Gải phẫu	ML2008	2	25121ML200801	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1311	12/12/2025	11g00	50	Gải phẫu	ML2008	2	25121ML200802	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1312	12/12/2025	11g00	50	Gải phẫu	ML2008	2	25121ML200802	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1313	12/12/2025	11g00	50	Gải phẫu	ML2008	2	25121ML200801	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1314	12/12/2025	11g00	50	Gải phẫu	BA1002	2	25121BA100201	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1315	12/12/2025	11g00	50	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	BA1002	2	25121BA100201	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1316	12/12/2025	11g00	50	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	NS3058	3	25121NS305801	Trắc nghiệm và Thực hành	18.7: Taurus	
1317	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.1: Phòng máy	
1318	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.3: Phòng máy	
1319	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.4: Phòng máy	
1320	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.5: Phòng máy	
1321	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305805	Trắc nghiệm và Thực hành	9.6: Phòng máy	
1322	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
1323	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
1324	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305802	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	
1325	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305803	Trắc nghiệm và Thực hành	9.7: Phòng máy	

STT	Ngày thi	Giờ bắt đầu thi	Thời gian thi (phút)	Học phần thi	Mã HP	Tin chỉ	Mã LHP	Hình thức thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1326	12/12/2025	13g00	50	Điều dưỡng cơ sở 1	NS3058	3	25121NS305801	Trắc nghiệm và Thực hành	9.8: Phòng máy	
1327	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	OS2004	3	25121OS200404	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1328	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	OS2004	3	25121OS200402	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1329	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	OS2004	3	25121OS200402	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1330	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	MD1032	3	25121MD103201	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1331	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	MD1032	3	25121MD103201	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1332	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	OS2004	3	25121OS200401	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1333	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	OS2004	3	25121OS200401	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1334	12/12/2025	14g30	50	Sinh học và di truyền	OS2004	3	25121OS200403	Trắc nghiệm	9.8: Phòng máy	
1335	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	DS1008	2	25121DS100802	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1336	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	DS1008	2	25121DS100801	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1337	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	KH1002	2	25121KH100201	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1338	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	DS1008	2	25121DS100801	Trắc nghiệm	9.5: Phòng máy	
1339	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	DS1008	2	25121DS100802	Trắc nghiệm	9.6: Phòng máy	
1340	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	KH1002	2	25121KH100201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1341	12/12/2025	16g00	50	Sinh học và di truyền	PH1002	2	25121PH100201	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	
1342	15/12/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	25121MD325402	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
1343	15/12/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	25121MD325401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1344	15/12/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	25121MD325401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
1345	15/12/2025	08g00	50	Ngoại bệnh lý III	MD3254	3	25121MD325401	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
1346	15/12/2025	08g00	50	Surgery III	MD3017	3	25121MD301701	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1347	17/12/2025	08g00	50	Nhi khoa III	MD3260	3	25121MD326002	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.1: Phòng máy	
1348	17/12/2025	08g00	50	Nhi khoa III	MD3260	3	25121MD326001	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1349	17/12/2025	08g00	50	Nhi khoa III	MD3260	3	25121MD326002	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.4: Phòng máy	
1350	17/12/2025	08g00	50	Nhi khoa III	MD3260	3	25121MD326001	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.7: Phòng máy	
1351	17/12/2025	08g00	50	Paediatrics III	MD3023	3	25121MD302301	Trắc nghiệm và Vấn đáp	9.3: Phòng máy	
1352	19/12/2025	08g00	50	Forensic medicine	MD3039	1	25121MD303901	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1353	19/12/2025	08g00	50	Pháp y	MD3276	1	25121MD327602	Trắc nghiệm	9.1: Phòng máy	
1354	19/12/2025	08g00	50	Pháp y	MD3276	1	25121MD327601	Trắc nghiệm	9.3: Phòng máy	
1355	19/12/2025	08g00	50	Pháp y	MD3276	1	25121MD327602	Trắc nghiệm	9.4: Phòng máy	
1356	19/12/2025	08g00	50	Pháp y	MD3276	1	25121MD327601	Trắc nghiệm	9.7: Phòng máy	



P. KT - DBCL

Nguyễn Duy Cường

Tp. HCM, Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Người Lập Bảng

Phạm Nguyễn Thảo Duyên